

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	9
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	9
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	13
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Lớp học	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	25
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	28
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	30
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	32
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	34
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	36
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	40
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	43
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	45
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	47
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	48

NỘI DUNG	Trang
Mở đầu	48
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	48
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	50
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	52
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	54
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	56
Tiêu chí 3.6: Thư viện	58
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	60
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	61
Mở đầu	61
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	61
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	63
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	67
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	68
Mở đầu	68
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	68
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	71
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	73
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	75
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	77
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	79
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	83
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	84
Phần IV. PHỤ LỤC	85

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Kết quả: Đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông

Tên trước đây: Trường Trung học cơ sở bán công Nguyễn Văn Luông

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Quận 6

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Tp.HCM	Họ và tên hiệu trưởng	Đinh Phú Cường
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Quận 6	Điện thoại	0979700613
Xã / phường/thị trấn	11	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	X	Website	thcsnguyenvanluong.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2003	Số điểm trường	Không
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Khối lớp 6	12	12	12	12	13
Khối lớp 7	11	11	11	11	12
Khối lớp 8	11	11	11	11	11
Khối lớp 9	11	11	11	11	10
Cộng	45	45	45	45	46

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	46	46	46	50	57	
1	Phòng học	35	35	35	39	46	
a	Phòng kiên cố	35	35	35	39	46	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	06	06	06	06	06	
a	Phòng kiên cố	06	06	06	06	06	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	05	05	05	05	05	
a	Phòng kiên cố	05	05	05	05	05	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	05	05	05	09	09	
1	Phòng kiên cố	05	05	05	09	09	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	01	01	01	01	01	
	Cộng	53	53	53	68	68	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá (năm học 2019 – 2020)

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	00	00	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	02	01	00	0	0	02	
Giáo viên	82	59	07	0	01	81	
Nhân viên	14	07	01	07	03	04	
Cộng	99	67	08	07	4	88	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
1	Tổng số giáo viên	75	73	75	80	82
2	Giáo viên/lớp	1.63	1.62	1.67	1.77	1.78
3	Giáo viên/học sinh	0.04	0.04	0.04	0.04	0.04
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	07	0	0	05	0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T T	Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1874	1920	1941	1911	1997	
	- Nữ	913	952	973	971	1028	
	- Dân tộc thiểu số	247	245	238	239	243	
	- Khối lớp 6	516	479	492	537	575	
	- Khối lớp 7	537	500	468	477	540	
	- Khối lớp 8	438	523	482	443	467	
	- Khối lớp 9	383	418	499	454	415	
2	Tổng số tuyển mới	516	483	498	548	575	
3	Học 2 buổi/ngày	1874	1920	1941	1911	1997	
4	Bán trú	912	928	919	989	1209	
5	Nội trú	/	/	/	/	/	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	40.7	42.7	43.1	42.5	43.4	
7	Số lượng và % đi học đúng độ tuổi	1874 100%	1920 100%	1941 100%	1911 100%	1997 100%	
	- Nữ	913	952	973	971	1028	
	- Dân tộc thiểu số	247	245	238	239	243	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	23/14	26/13	19/17	23/08	28/14	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	01	0	0	0	0	

10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	69	58	90	67	148	
	- Nữ	38	25	33	37	65	
	- Dân tộc thiểu số	02	02	04	06	08	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	12	23	27	21	15	

b) Kết quả giáo dục:

Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Ghi chú
Học sinh xếp loại giỏi	860	904	844	819	976	
Học sinh xếp loại khá	619	639	693	675	632	
Học sinh xếp loại yếu, kém	29	38	51	71	75	
Học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	1815	1863	1866	1848	1912	
Học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	59	57	75	73	80	
Học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	00	00	00	04	05	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông ngụ tại số 240/110 Nguyễn Văn Luông, Phường 11, Quận 6, trường ở trên địa bàn thuận lợi về giao thông do nằm ở cửa ngõ phía Tây của Thành phố Hồ Chí Minh, là địa phương có nền kinh tế phát triển tương đối tốt, chủ yếu là thương mại, dịch vụ.

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông, tiền thân là trường Trung học cơ sở bán công Nguyễn Văn Luông được thành lập theo Quyết định số 1414/QĐ-CT ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Quận 6; sau 2 năm tổ chức hoạt động theo mô hình bán công, ngày 16 tháng 6 năm 2005 trường Trung học cơ sở bán công Nguyễn Văn Luông được chuyển thành trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông theo Quyết định số 2243/2005/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Quận 6.

Từ năm học 2015 - 2016 đến nay, số học sinh cấp trung học cơ sở mà nhà trường thu nhận đã tăng nhanh, đến năm học 2019 - 2020 sĩ số học sinh 4 khối lớp là 1997 học sinh. Đội ngũ sư phạm nhà trường hiện nay gồm có 99 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Nhà trường có 12 tổ chuyên môn bao gồm các Tổ Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Lý, Hóa, Địa, Sinh, Sử - Giáo dục công dân, Công nghệ - Tin học, Thể dục, Nhạc – Họa và tổ Hành chính văn phòng. Nhà trường có Chi bộ Đảng gồm 21 đảng viên, Công đoàn cơ sở có 98 công đoàn viên và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 15 đoàn viên.

Trong nhiều năm qua, trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông đã luôn cố gắng từng bước nâng cao chất lượng giáo dục của trường, xây dựng đội ngũ giáo viên đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Từ năm học 2015 - 2016 đến nay, tỷ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở đều đạt 100%, tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào lớp 10 công lập đạt yêu cầu, hiệu suất đào tạo khóa 2016 - 2020 đạt trên 82%. Năm 2015, trường đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh công nhận “Đạt chuẩn chất lượng giáo dục” mức độ 1.

Hiện nay, nhà trường có tổng cộng 46 phòng học và 06 phòng chức năng trong đó 04 phòng thực hành thí nghiệm: phòng thực hành Lý, phòng thực hành Hóa, phòng thực hành Sinh, phòng thực hành Công nghệ và 02 phòng thực hành tin học với tổng số máy là 90 máy có nối mạng Internet. Tổng diện tích trường 10.800m² (tính trên quyết định thành lập).

Sau 18 năm đưa vào hoạt động, cơ sở vật chất của nhà trường bắt đầu xuống cấp, tuy còn nhiều khó khăn, hạn chế nhưng vẫn đảm bảo đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường hầu hết đều có trình độ trên chuẩn; nhiệt tình, tâm huyết trong công tác, với tinh thần “Tất cả vì học sinh thân yêu”. Chất lượng giáo dục của nhà trường được đánh giá tốt và ổn định; nhiều năm liên trường đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến cấp Quận, tập thể lao động xuất sắc cấp Thành phố. Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các ban ngành, chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh, Hội khuyến học. Với những thuận lợi đó, trong nhiều năm qua, trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông là một trong những đơn vị được ghi nhận có chất lượng giảng dạy và học tập cao của ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 6.

Bên cạnh những thuận lợi trên, nhà trường cũng gặp không ít những khó khăn như một số học sinh có hoàn cảnh khó khăn chưa được quan tâm chăm lo việc học ở nhà, vẫn còn nhiều cha mẹ học sinh chưa phối hợp tốt với nhà trường để giáo dục học sinh, phó mặc con em mình cho nhà trường.

2. Mục đích tự đánh giá

Chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng giáo dục phổ thông nói riêng ngày càng được xã hội quan tâm. Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục và Đào tạo bằng những chủ trương và biện pháp cụ thể đang phấn đấu cho một nền giáo dục có chất lượng tốt, nhằm đạt mục tiêu giáo dục đề ra đến năm 2020.

Việc kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường, bước đầu giúp cho cán bộ quản lý nhà trường nói riêng và toàn bộ đội ngũ sư phạm nhà trường nói chung có một cái nhìn khái quát về những mặt mạnh, mặt tích cực trong việc quản lý và tổ chức nhà trường, trong việc xem xét, đánh giá chất lượng đội ngũ

một cách thực chất, đồng thời cũng giúp cho hội đồng nhà trường có cơ hội đánh giá một cách khái quát hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục mà nhà trường đã tiến hành trong nhiều năm qua. Thông qua việc kiểm định chất lượng giáo dục cũng giúp cho tập thể sư phạm rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc từ những số liệu thống kê chất lượng từng mặt hoạt động cụ thể và từ đó, đề ra những phương hướng hoạt động phù hợp và biện pháp khắc phục những tồn tại được ghi nhận trong chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn sắp tới.

Quá trình tiến hành việc tự đánh giá, kiểm định chất lượng nhà trường một lần nữa, giúp cho việc xây dựng khối đoàn kết nội bộ trong tập thể sư phạm được thuận lợi hơn. Việc thẩm định từng tiêu chuẩn, xác minh từng tiêu chí, thống kê các chỉ báo, đã giúp cho các bộ phận, các thành viên trong nhà trường tạo ra mối liên thông gắn bó và thông tin hai chiều giúp việc phối hợp công tác trở nên chặt chẽ hơn. Báo cáo thẩm định chất lượng giáo dục của nhà trường vì vậy, có thể được xem là một công trình của khoa học, của trí tuệ và tấm lòng của tập thể sư phạm trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông. Thông qua báo cáo, mọi thành viên của nhà trường đều có dịp được ghi nhận những đóng góp của mình cho tập thể và xem xét lại những hạn chế còn tồn tại để khắc phục.

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông xem kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường là cơ hội giúp cho cán bộ quản lý nói riêng và toàn bộ tập thể sư phạm nhà trường nói chung có cái nhìn khái quát về những mặt mạnh, mặt tích cực trong việc quản lý và tổ chức nhà trường, trong việc xem xét, đánh giá chất lượng đội ngũ một cách thực chất, đồng thời cũng giúp cho hội đồng nhà trường có cơ hội đánh giá một cách khái quát, hiệu quả việc thực hiện chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục mà nhà trường đã tiến hành trong nhiều năm qua.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Căn cứ theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường phổ thông theo cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Thông tư số 18/2018/TT-

BGDĐT ngày ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Quá trình tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình đã được quy định như sau:

- Thành lập Hội đồng Tự đánh giá (01/4/2020)
- Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá (02/4/2020 – 17/4/2020)
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá (31/5/2020)
- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng (01/6/2020)
- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí (10/6/2020)
- Viết báo cáo tự đánh giá (từ 10/6/2020)
- Công bố báo cáo tự đánh giá (10/8/2020)

Về phạm vi tự đánh giá: Đánh giá toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo 28 tiêu chí của quy định về các tiêu chuẩn theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Về phương pháp và công cụ đánh giá: Để tiến hành tự đánh giá, nhà trường đã căn cứ vào Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Để thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục đạt hiệu quả, nhà trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 15 thành viên với đầy đủ các thành phần: cán bộ quản lý, đại diện tổ chức Công đoàn, đại diện tổ chức Chi đoàn, Tổng phụ trách, thư ký hội đồng, tổ trưởng tổ chuyên môn và tổ trưởng tổ hành chính. Hội đồng tự đánh giá phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên theo chức năng, năng lực mỗi ủy viên. Đồng thời, thành lập các nhóm công tác, mỗi nhóm công tác do một thành viên hội đồng tự đánh giá làm nhóm trưởng.

Trong quá trình tự đánh giá, hội đồng tự đánh giá đã sử dụng bộ tài liệu tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường phổ thông theo cấp học do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ban hành

ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông, Quận 6 có đầy đủ cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường trung học. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định. Nhà trường có đầy đủ các hội đồng, các tổ chức, đoàn thể phục vụ công tác dạy và học của trường. Các tổ chuyên môn được thành lập và đi vào hoạt động có nền nếp, các tổ trưởng chuyên môn đều là những giáo viên có kinh nghiệm trong việc điều hành công tác nên hoạt động của tổ chuyên môn là nền tảng thúc đẩy và góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015 - 2020 phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở được quy định tại Luật giáo dục, phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định rõ ràng bằng văn bản do hiệu trưởng nhà trường ký quyết định ban hành và được Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6 phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Nhà trường thông báo công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường dưới hình thức niêm yết trên Website của trường www.thcsnguyenvanluong.hcm.edu.vn [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hằng năm, cán bộ quản lý phối hợp với Công đoàn, ban Thanh tra nhân dân tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển theo kế hoạch chung [H1-1.1-04]; [H1-1.2-13].

Mức 3:

Thông qua thực hiện các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng giai đoạn. Các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh tham gia tích cực trong công tác xây dựng phương hướng, chiến lược nhà trường, nhờ đó đã góp phần thực hiện phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường theo đúng mục tiêu đã đề ra. Tuy nhiên việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược

xây dựng và phát triển của nhà trường chưa có sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương [H1-1.1-05]; [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển của nhà trường được xây dựng sát với thực tế, phù hợp với mục tiêu giáo dục của cấp học, tình hình cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường và phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Quận 6. Kế hoạch chiến lược đã được phê duyệt, thông báo công khai và lưu trữ đầy đủ.

3. Điểm yếu

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được nhiều cha mẹ học sinh quan tâm, chưa có sự tham gia tích cực của cộng đồng và nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cuối năm 2020, hiệu trưởng sẽ thực hiện điều chỉnh lại chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015 – 2020 và cập nhật, bổ sung để xây dựng chiến lược cho giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Đồng thời, hiệu trưởng cần tiếp tục thực hiện tốt các mục tiêu trong chiến lược phát triển nhà trường trong những năm tiếp theo, thực hiện phổ biến chiến lược phát triển của nhà trường đến cha mẹ học sinh trong các phiên họp định kỳ hằng năm. Tiếp tục đăng tải nội dung phương hướng chiến lược lên Website của trường để thông tin rộng rãi đến cha mẹ của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các Hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường được thành lập theo đúng quy định Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng trường gồm: đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, cán bộ quản lý nhà trường, đại diện Công đoàn, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện các tổ chuyên môn, đại diện tổ Văn phòng. Hội đồng trường có Chủ tịch, 01 thư ký và các thành viên khác. Tổng số thành viên của Hội đồng trường có từ 09 đến 13 người [H1-1.2-01].

Đầu mỗi năm học, hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng thi đua, khen thưởng. Nhà trường thành lập các hội đồng tư vấn theo yêu cầu của từng công việc cụ thể hằng năm như: thông qua tờ trình của Hiệu trưởng, Phòng Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh; căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ và các công việc hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng kiểm tra học kỳ; hội đồng kiểm tra lại và xét duyệt cuối năm; hội đồng chấm đề tài, sáng kiến kinh nghiệm; hội đồng xét tốt nghiệp Trung học cơ sở. Trong các năm học vừa qua, trường không có giáo viên, nhân viên và học sinh vi phạm đến mức kỷ luật nên không có thành lập hội đồng kỷ luật [H1-1.2-02]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

b) Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác luôn thực hiện đúng chức năng và quyền hạn được quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ban hành ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành về điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học. Ngoài ra, thông qua các phong trào thi đua, các hoạt động giảng dạy và giáo dục học sinh đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-08].

c) Vào cuối năm học, hoạt động của các hội đồng nhà trường được định kỳ rà soát, đánh giá để xây dựng nền nếp kỷ cương của nhà trường và góp phần

nâng cao chất lượng giáo dục ngày một phát triển [H1-1.2-13]; [H1-1.2-14]; [H1-1.2-15].

Mức 2:

Hội đồng trường đã góp ý và tư vấn cho hiệu trưởng về công tác quản lý chuyên môn và các biện pháp để cải thiện các chỉ tiêu năm học chưa đạt. Các hội đồng nhà trường hoạt động có hiệu quả thiết thực góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng nền nếp kỷ cương của nhà trường. Hội đồng thi đua khen thưởng đã tổ chức các đợt thi đua dạy tốt gồm các nội dung như thực hiện ngày giờ công, thực hiện quy chế chuyên môn và kết quả giảng dạy đạt chỉ tiêu bộ môn. Nhờ hoạt động hiệu quả mà các hội đồng đã tham mưu giúp cho hiệu trưởng nhà trường thực hiện tốt chức trách được giao và góp phần đưa nhà trường đạt nhiều thành tích [H1-1.2-08]; [H1-1.2-09]; [H1-1.2-11]; [H1-1.2-14]; [H1-1.2-15].

Tuy nhiên, hội đồng chuyên môn sáng kiến kinh nghiệm của nhà trường chưa hoạt động hiệu quả nên đạt vẫn còn thấp khoảng 60% bài viết được công nhận [H1-1.2-12].

2. Điểm mạnh

Các hội đồng trường hoạt động hiệu quả, tham mưu giúp cho hiệu trưởng thực hiện tốt chức trách được giao, góp phần đưa nhà trường đạt nhiều thành tích.

3. Điểm yếu

Hội đồng chuyên môn sáng kiến kinh nghiệm chưa hoạt động hiệu quả nên một số bài viết sáng kiến của thầy, cô chưa được hội đồng chuyên môn sáng kiến kinh nghiệm của Quận thông qua, đạt vẫn còn thấp khoảng 60% bài viết được công nhận.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020 – 2021, hiệu trưởng tiếp tục duy trì đầy đủ hội đồng trường và hội đồng khác và các hội đồng tư vấn để phát huy thêm nữa vai trò Cán bộ quản lý nhà trường, phối hợp tư vấn của các hội đồng trong nhà trường, đồng thời cần liên hệ bộ phận tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá đúng tiến độ.

Nhà trường thực hiện rà soát thành viên hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm sao cho có chất lượng hơn ở những năm học sau.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có Chi bộ trường học gồm 21 đảng viên, Công đoàn cơ sở gồm 98 công đoàn viên, Đoàn Thanh niên có 15 đoàn viên là giáo viên, Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh gồm tất cả học sinh nhà trường chia làm 46 Chi đội, hội khuyến học. Các đoàn thể và các tổ chức trong nhà trường có cơ cấu theo quy định [H1-1.3-01]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-09].

b) Chi bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác đã thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình về các mục tiêu, phương hướng và kế hoạch phát triển, các vấn đề về tổ chức, nhân sự, tài chính và tài sản; đồng thời thực hiện giám sát các hoạt động của nhà trường theo nghị quyết của Chi bộ, nghị quyết của Công đoàn, nghị quyết Chi đoàn, nghị quyết Liên đội [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08].

c) Vào cuối mỗi năm học, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh trong nhà trường được rà soát, đánh giá các hoạt động để kiểm điểm và rút kinh nghiệm cho việc xây dựng nhà trường ngày càng phát triển toàn diện [H1-1.3-26].

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 5 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-22].

b) Hằng năm, dưới sự chỉ đạo của cấp ủy và Cán bộ quản lý nhà trường, Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội, và các tổ chức khác phối hợp với nhau nhằm giáo dục, rèn luyện học sinh không chỉ học tập thật tốt mà còn phải rèn luyện sức khỏe, giáo dục về ý thức giữ gìn vệ sinh cho các em học sinh. Tổ chức Đoàn, Đội thường xuyên quan tâm cùng với nhà trường thông qua những buổi sinh hoạt chuyên đề, tuyên truyền về cách phòng, chống các căn bệnh thường gặp ở lứa tuổi học sinh [H1-1.3-15]; [H1-1.3-19]; [H1-1.3-20].

Mức 3:

a) Trong 5 năm liên tiếp từ năm 2015 đến năm 2019, tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-22].

b) Tổ chức Công đoàn đã phát động phong trào thi đua “Dạy tốt và học tốt” trong nhà trường, chăm lo đời sống cho công đoàn viên, tích cực tham gia các hoạt động của công đoàn ngành. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh phối hợp và tham gia tích cực các

phong trào hoạt động của Đoàn Đội của trường và địa phương, hỗ trợ tích cực cho hoạt động chuyên môn, giáo dục đạo đức và rèn kỹ năng sống cho học sinh. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh của trường đã có những đóng góp tích cực hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng được cấp trên công nhận và khen thưởng. Tuy nhiên, nhà trường còn một số công đoàn viên đã lớn tuổi nên chưa tham gia hoạt động của tổ chức Công đoàn được đầy đủ [H1-1.2-14]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-16]; [H1-1.3-18]; [H1-1.3-21]; [H5-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức chính trị, xã hội, các đoàn thể theo Điều lệ trường trung học. Các tổ chức làm việc có kế hoạch, tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua sôi nổi và hiệu quả, tạo được môi trường sư phạm thân thiện và an toàn, đã tổ chức hoạt động theo đúng quy định; thể hiện tốt vai trò lãnh đạo, tư vấn cho hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình.

3. Điểm yếu

Một số Công đoàn viên lớn tuổi, chưa tham gia tích cực các hoạt động của Công đoàn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 – 2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì đầy đủ các tổ chức chính trị, đoàn thể trong trường phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, phối hợp, tư vấn của các tổ chức. Công đoàn nhà trường thường xuyên quan tâm và động viên anh chị công đoàn viên lớn tuổi tham gia các hoạt động phong trào của Công đoàn để làm gương cho các thế hệ trẻ noi theo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có Hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định.

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định.

c) *Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

a) *Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

b) *Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

a) *Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*

b) *Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường hiện có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Quận 6 quyết định bổ nhiệm, đủ số lượng theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở [H1-1.4-01].

b) Nhà trường có các tổ chuyên môn theo quy định. Cơ cấu tổ chức tổ chuyên môn được thành lập theo quy định tại điều 16 Điều lệ trường trung học. Trường hiện có 01 tổ văn phòng được thành lập theo quy định tại điều 17 điều lệ trường trung học. Mỗi tổ đều có 1 tổ trưởng, 1 tổ trưởng tổ Công đoàn, riêng tổ ghép có thêm 1 tổ phó. Hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cho các tổ trưởng tổ chuyên môn vào đầu mỗi năm học. Tuy nhiên, hiện tại còn 3 tổ là tổ ghép nhiều bộ môn như Sử - GDCD, Nhạc – Mỹ thuật, Công nghệ - Tin học [H1-1.4-02].

c) Mỗi năm học, tổ trưởng chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ về thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và các hoạt động khác theo năm học, tháng. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng bám sát sự chỉ đạo của cấp trên và kế hoạch của nhà trường để thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ Trường trung học. Các

tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ 02 lần mỗi tháng và khi cần triển khai các công việc đột xuất quan trọng khác để kiểm điểm công tác nhằm chấn chỉnh những tồn tại và triển khai tổ chức những nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H1-1.4-03].

Mức 2:

a) Hằng năm, vào đầu năm học, mỗi tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy và học [H1-1.4-04].

b) Hằng tháng và cuối mỗi học kỳ, tổ chuyên môn đều thực hiện hiệu quả các chuyên đề và thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh việc thực hiện nhiệm vụ được phân công nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả công việc [H1-1.4-03]; [H1-1.4-07].

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng cũng có nhiều đóng góp trong việc hỗ trợ nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như duy trì tỉ lệ học sinh giỏi các cấp, duy trì tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng. Thư viện tổ chức giới thiệu sách, tư liệu cho giáo viên và học sinh, phối hợp với tổ bộ môn thực hiện các chuyên đề, cuộc thi chuyên môn. Bộ phận Y tế tổ chức những buổi truyền thông chăm lo sức khỏe cho giáo viên và học sinh. Bộ phận tài vụ kế toán thực hiện tốt các chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh. Bộ phận phục vụ, bảo vệ cũng làm tốt nhiệm vụ được phân công đảm bảo an toàn nơi trường học và vệ sinh môi trường xanh sạch đẹp [H1-1.2-14]; [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09]; [H1-1.4-10]; [H1-1.4-11]; [H1-1.4-12]; [H1-1.4-14]; [H5-5.2-04].

b) Hằng năm, các tổ chuyên môn đều tổ chức các chuyên đề có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của trường và được tổ bộ môn của quận nhận xét đánh giá tốt [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-13].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý đảm bảo được các tiêu chuẩn về trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. Các tổ chuyên môn đều có

cơ cấu tổ chức theo đúng quy định, có kế hoạch, nội dung hoạt động rõ ràng, cụ thể, số lần họp đúng quy định, các buổi sinh hoạt đều có hiệu quả thiết thực, có đề xuất và thực hiện chuyên đề thường xuyên mỗi năm theo kế hoạch. Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh hằng năm.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn 3 tổ là tổ ghép nhiều bộ môn như Sử - GDCD, Nhạc – Mỹ thuật, Công nghệ - Tin học nên có ảnh hưởng nhất định đến thời gian và nội dung sinh hoạt tổ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 – 2021, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chuyên môn căn cứ vào điều kiện thực tế để nghiên cứu sắp xếp thời gian để tạo điều kiện cho các tổ chuyên môn có thể tổ chức các buổi họp nhằm đảm bảo công tác tổ chức và hoạt động.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ 4 khối lớp từ khối 6 đến khối 9, toàn trường có 46 lớp trong đó khối 6 có 13 lớp, khối 7 có 12 lớp, khối 8 có 11 lớp và khối 9 có 10 lớp [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Nhà trường tổ chức phân chia học sinh theo lớp, mỗi lớp đều có một lớp trưởng và có từ một hoặc hai lớp phó do tập thể lớp bầu ra [H1-1.5-03].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Mỗi lớp học có một giáo viên chủ nhiệm quản lý học sinh. Giáo viên chủ nhiệm phân công cho lớp trưởng, các lớp phó chịu trách nhiệm quản lý lớp. Ban cán sự tổ do các thành viên của tổ bầu ra chịu trách nhiệm quản lý tổ. Ban cán sự lớp và Ban cán sự tổ hằng tuần báo cáo cho giáo viên chủ nhiệm tình hình học tập và kỷ luật của lớp. Tuy nhiên, ở một số lớp, ý thức tổ chức tự quản của học sinh chưa cao, giáo viên phải nhắc nhở, giáo dục nhiều nên cũng ảnh hưởng kết quả thi đua của lớp và chất lượng chung của trường [H1-1.5-03].

Mức 2:

Trong các năm học vừa qua, số lớp học của trường có một số năm học có trên 45 lớp, trong đó sĩ số học sinh ở mỗi lớp học hằng năm cũng có trên 45 học sinh/ lớp. Do áp lực dân số nên dẫn đến việc nhà trường không thể giữ chuẩn theo quy định [H1-1.5-02].

Mức 3:

Trong 05 năm học vừa qua, số lớp học của trường có một số năm học có trên 45 lớp, trong đó sĩ số học sinh ở mỗi lớp học hằng năm cũng có trên 45 học sinh/ lớp. Do áp lực dân số nên dẫn đến việc nhà trường không thể giữ chuẩn theo quy định [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức biên chế lớp, ban cán sự lớp đảm bảo theo đúng quy định của điều lệ trường trung học

3. Điểm yếu

Trong vài năm học gần đây, nhà trường vẫn còn 46 lớp và một số lớp có trên 45 học sinh. Một số lớp có ý thức tự quản chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021 - 2022, hiệu trưởng thực hiện tham mưu với Ủy ban nhân dân Quận và Hội đồng tuyển sinh kéo giảm số lớp và sĩ số xuống không quá 45 học sinh/lớp, đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học. Ngoài ra, ngay học kỳ 1 của năm học 2020 – 2021, hiệu trưởng sẽ tổ chức các buổi tập huấn cho ban cán sự lớp về kỹ năng quản lý lớp hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục quy định tại Điều 27 của Điều lệ trường trung học và được lưu trữ theo quy định. Hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục được lưu trữ ở các bộ phận phụ

trách. Nhân viên văn thư lưu trữ các hồ sơ như sổ quyết định, hồ sơ lưu trữ công văn đi, hồ sơ lưu trữ công văn đến; nhân viên phụ trách học vụ lưu trữ sổ đăng bộ, sổ theo dõi học sinh chuyên đi, sổ theo dõi học sinh chuyên đến, sổ gọi tên và ghi điểm, sổ ghi đầu bài, học bạ học sinh, sổ quản lý cấp phát văn bằng. Hiệu trưởng lưu trữ sổ họp Hội đồng sư phạm, sổ họp Hội đồng trường. Nhân viên kế toán lưu trữ sổ quản lý tài sản, thiết bị, hồ sơ quản lý tài chính. Nhân viên thư viện lưu trữ các hồ sơ quản lý thư viện. Nhân viên y tế lưu trữ hồ sơ y tế, hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh. Các tổ chuyên môn lưu trữ sổ kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn, biên bản họp tổ chuyên môn. Phó hiệu trưởng lưu trữ sổ ghi kế hoạch giảng dạy, sổ dự giờ, hồ sơ thi lại [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05].

b) Hằng năm, nhà trường đều lập dự toán ngân sách và trình cấp trên phê duyệt công tác thu chi, quyết toán; thống kê, báo cáo tài chính được thực hiện theo đúng quy định về chế độ kế toán - tài chính. Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của trường luôn có sự kế thừa của các năm trước và được cập nhật bổ sung điều chỉnh trên cơ sở ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường trong hội nghị cán bộ công chức hằng năm, vì vậy quy chế chi tiêu nội bộ luôn rõ ràng và phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên, hiện nay nhà trường gặp khó khăn nhất là công tác báo cáo tài chính và báo cáo tiến độ các công trình xây dựng [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08]; [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11].

c) Công tác quản lý và kiểm kê tài sản hằng năm luôn được nhà trường quan tâm thực hiện theo đúng quy định. Hằng tháng, kế toán đều thực hiện công khai tài chính để cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia giám sát, kiểm tra. Việc công khai được thực hiện bằng hình thức thông báo trên bản tin ở phòng giáo viên hoặc gửi qua hộp thư điện tử [H1-1.6-09].

Mức 2:

a) Nhà trường sử dụng các phần mềm trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản như phần mềm quản lý nhân sự Epmis, phần mềm quản lý cán bộ công chức của Sở Nội vụ VPN, phần mềm quản lý tài chính, tài sản Imax 13.0, phần mềm thu học phí bằng mã vạch HKDPro, phần mềm quản lý sáng

kiến, phần mềm xếp thời khóa biểu [H1-1.6-14]; [H1-1.6-15]; [H1-1.6-16]; [H1-1.6-17].

b) Trong 05 năm liên tiếp nhà trường không vi phạm đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-12].

Mức 3:

Trường có kế hoạch trung hạn và dài hạn bằng các thống kê, báo cáo gửi Ủy ban nhân dân Quận 6 để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-02]; [H1-1.6-07].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính và lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định. Công tác lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính được thực hiện theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước.

3. Điểm yếu

Báo cáo tài chính, tài sản, nhất là quá trình cập nhật tiến độ giải ngân sửa chữa các công trình đôi lúc còn chậm trễ do phụ thuộc nhiều vào yếu tố khách quan của nhà thầu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2020 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng làm việc với các đơn vị thi công để kịp thời đẩy nhanh tiến độ để hoàn thành công tác thống kê, báo cáo theo đúng quy định và kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) *Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

b) *Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch, tổ chức cho giáo viên tham gia học tập bồi dưỡng thường xuyên, cử cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tham gia các lớp học bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ chính trị, tin học, ngoại ngữ nhằm tạo điều kiện tốt cho lực lượng sư phạm phát triển về chất lượng; chỉ đạo bộ phận chuyên môn xây dựng các chuyên đề đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới sinh hoạt chuyên môn [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

b) Nhà trường có phân công và sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo năng lực và sở trường công tác của từng cá nhân theo đúng vị trí việc làm. Vì thế chất lượng của các hoạt động giáo dục của trường đạt hiệu quả ngày càng cao [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo chế độ chính sách hiện hành và nghị quyết hội nghị cán bộ công chức của nhà trường; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần; được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo các chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo; được hưởng lương và phụ cấp khi được cử đi học; đồng thời, được cử tham gia các lớp bồi dưỡng chính trị, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ do các cấp tổ chức [H1-1.7-05]; [H1-1.7-09].

Mức 2:

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, cơ sở vật chất để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phát huy việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với sở trường và năng lực của từng cá nhân cụ thể như: có chế độ khuyến khích giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ,

ng nghiệp vụ; thư viện có phòng đọc dành cho giáo viên, có trang bị một số máy vi tính hỗ trợ cho giáo viên trong việc nghiên cứu, học tập; nhà trường có 08 laptop để giáo viên có thể mượn soạn bài hay giảng dạy; sắp xếp thời khóa biểu thuận lợi để giáo viên có thể tham gia học tập nâng cao trình độ. Tuy nhiên hiện tại vẫn còn 01 giáo viên có trình độ cao đẳng, chưa nâng cao trình độ đại học để phù hợp với Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2019 [H1-1.6-04]; [H1-1.6-13]; [H1-1.7-07]; [H1-1.7-09]; [H3-3.6-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hằng năm, phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý và đảm bảo các hoạt động của nhà trường.

Các cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định, có kế hoạch phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với sở trường và năng lực tạo điều kiện cho đội ngũ phát huy năng lực của mình.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn còn 01 giáo viên có trình độ cao đẳng, hiện đang theo học nâng chuẩn lên Đại học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cuối năm học 2020 - 2021, hiệu trưởng thực hiện nâng chuẩn cho 100% giáo viên có trình độ Đại học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp theo Điều lệ trường trung học cơ sở và quy định hiện hành như: tổ chức hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá đảm bảo thời gian quy định theo phân phối chương trình; các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp - nghề, giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngoại khóa, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu cũng được cán bộ quản lý nhà trường quan tâm xây dựng các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học [H1-1.8-01].

b) Các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường để xây dựng kế hoạch giảng dạy bộ môn, kế hoạch giảng dạy của giáo viên, kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn trong năm học. Nội dung chương trình giảng dạy, các hoạt động chuyên môn, các phong trào, các chương trình giáo dục nhà trường đều thực hiện đủ theo kế hoạch hằng năm. Tuy nhiên, một số hoạt động ngoại khóa thực hiện chưa đúng tiến độ, thời gian và hiệu quả chưa cao [H1-1.2-13].

c) Nhà trường thường xuyên tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục kịp thời theo tiến độ qua các buổi họp định kỳ. Nhà trường xây dựng các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Thông qua việc rà soát, đánh giá, cải tiến cho phù hợp thực tiễn giảng dạy và học tập đã giúp cho lên lớp thẳng có chuyên biến tích cực, rõ rệt trong 05 năm [H1-1.2-08].

Mức 2:

Nhà trường đã có các biện pháp chỉ đạo kiểm tra đánh giá các hoạt động giáo dục được nêu trong kế hoạch hoạt động giáo dục, kiểm tra, đôn đốc và nhắc nhở thường xuyên, có sơ kết, tổng kết theo học kỳ và cuối năm và được Phòng giáo dục kiểm tra, đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.2-08].

Do nhà trường thực hiện tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày nên không có hoạt động dạy thêm. Ngay từ đầu năm học, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục năm học và yêu cầu giáo viên thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cấp có thẩm quyền về thực hiện quy định về quản lý dạy thêm và học thêm, thường xuyên nắm bắt tình hình dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường không để xảy ra trường hợp vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường trung học thông qua các loại kế hoạch triển khai thực hiện, các loại hồ sơ sổ sách và các kết quả đạt được trong từng năm học.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên chưa sắp xếp được thêm nhiều thời gian hơn để phụ đạo học sinh yếu.

Một số hoạt động ngoại khóa chưa thực hiện đúng tiến độ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020 – 2021, hiệu trưởng tiếp tục tuyên truyền trong hội đồng sư phạm các văn bản chỉ đạo của các cấp về dạy thêm, học thêm; yêu cầu giáo viên cam kết không vi phạm quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo về dạy thêm, đồng thời cũng thường xuyên vận động giáo viên tăng cường phụ đạo học sinh yếu trong lớp. Ngoài ra, ngay trong năm học 2020 – 2021, hiệu trưởng cũng chỉ đạo các bộ phận thực hiện xây dựng kế hoạch ngoại khóa cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường đều tiến hành tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức vào đầu năm học. Trong hội nghị, tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập [H1-1.7-07]; [H1-1.9-01].

b) Nhận thức rõ vai trò của việc giải quyết các khiếu nại tố cáo, kiến nghị phản ánh nên Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông luôn thực hiện theo đúng pháp luật, đúng qui trình. Hiệu trưởng luôn dành thời gian để tiếp công dân, thực hiện nghiêm túc chế độ tiếp dân, luôn tạo điều kiện thuận lợi để công dân tham gia trình bày ý kiến bản thân và luôn giải thích phù hợp nên không xảy ra khiếu nại, tố cáo xảy ra trong trường học [H1-1.9-03].

c) Hằng năm, nhà trường đều thực hiện tốt việc báo cáo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở theo quy định về cấp có thẩm quyền [H1-1.9-02].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, việc kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các phiên họp định kỳ và Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức. Hiệu trưởng đã tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện và giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ, được đóng góp ý kiến xây

dựng và phát triển nhà trường thông qua các cuộc họp định kỳ và thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm. Công tác giám sát được thực hiện thường xuyên: kiểm tra về thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kế hoạch công tác của đơn vị, các khoản chi tiêu nội bộ, việc thực hiện nội quy cơ quan, việc thực hiện chính sách liên quan đến quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Tuy nhiên, một số cán bộ, giáo viên, nhân viên vẫn chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, phản biện [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Quy chế dân chủ trong hoạt động luôn được thực hiện tốt. Trong quá trình hoạt động, nhà trường luôn công khai các văn bản ban hành, hoặc công khai tài chính được niêm yết tại đơn vị của cơ quan trong thời gian 30 ngày liên tục hoặc 90 ngày đối với công khai ngân sách, quyết toán.

3. Điểm yếu

Một số cán bộ, giáo viên, nhân viên trường chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 – 2021, hiệu trưởng sẽ tiếp tục phát huy việc xây dựng kế hoạch phù hợp đúng quy định và thực hiện giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả. Ngoài ra, hiệu trưởng và Ban chấp hành Công đoàn sẽ phối hợp tổ chức các buổi hội thảo, các diễn đàn để tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia góp ý xây dựng cho các hoạt động nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực

nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực nhà trường, bếp ăn cho học sinh có giấy cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm giữa nhà trường và ban quản lý an toàn thực phẩm Thành phố. Tuy nhiên, trước cổng trường còn khá nhiều người bán hàng rong và nhiều xe ô tô đậu che khuất tầm nhìn gây mất an toàn cho học sinh [H1-1.10-01]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-07].

b) Nhà trường trang bị hộp thư góp ý để tại nơi thuận tiện nhất, thuận lợi cho các em học sinh biết, có đường dây tiếp nhận các thông tin qua Facebook, qua website để tiếp nhận thông tin của và học sinh. Trong nhiều năm qua, tình hình an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường học luôn được đảm bảo tốt,

trường không xảy ra dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm tập thể hay các tai nạn gây thương tích nghiêm trọng trong học sinh và giáo viên. Nhà trường đã được Ủy ban nhân dân Quận 6 cấp giấy chứng nhận trường học an toàn và công tác y tế học đường luôn được đoàn kiểm tra y tế liên ngành của quận đánh giá tốt [H1-1.10-08]; [H1-1.10-10]; [H3-3.3-03].

c) Công tác tuyên truyền phòng chống bạo lực trong nhà trường luôn được cán bộ quản lý quan tâm thực hiện thông qua các giờ sinh hoạt dưới cờ, các buổi giáo dục kỹ năng sống và các tiết sinh hoạt chủ nhiệm. Do đó, trong nhà trường không có xảy ra bất cứ hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong đối tượng học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.10-06]; [H5-5.5-01].

Mức 2:

a) Nhà trường đã tổ chức các cuộc tuyên truyền vào các buổi sinh hoạt dưới cờ cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh cùng tìm hiểu và thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, bạo lực học đường, ngăn chặn tệ nạn xã hội thâm nhập vào nhà trường [H1-1.2-08]; [H1-1.10-07]; [H1-1.10-05].

b) Nhà trường tăng cường các biện pháp giáo dục học sinh ý thức giữ gìn an ninh trật tự trường học, phòng chống bạo lực học đường. Cán bộ quản lý, tổng phụ trách, giám thị khối và giáo viên chủ nhiệm thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự của trường qua phản ánh của học sinh, hộp thư góp ý, qua điện thoại, mạng xã hội để có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên và học sinh [H1-1.10-01]; [H1-1.10-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân và Công an Phường 11, Quận 6 trong việc đảm bảo an ninh trật tự.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh tuân thủ các qui định về phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích, an toàn vệ sinh thực phẩm và an toàn lao động.

3. Điểm yếu

Trong nhiều năm qua, hiện tượng xe ô tô đậu phía trước cổng trường gây cản trở và làm mất mỹ quan khu vực trước cổng trường, một số hàng rong buôn bán xung quanh trường vẫn còn tồn tại nên việc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm phải được nhà trường đặc biệt quan tâm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2020, hiệu trưởng tiếp tục giữ mối quan hệ chặt chẽ với chính quyền, đoàn thể, nhân dân địa phương, đồng thời hiệu trưởng thực hiện văn bản kiến nghị Ủy ban nhân dân Quận 6 thi công bảng cấm xe ô tô chạy vào hẻm 240, Nguyễn Văn Luông trong các khung giờ học sinh đi học và ra về.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

- Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có cơ cấu tổ chức và quản lý phù hợp với quy định Điều lệ trường trung học. Các bộ phận từ cán bộ quản lý đến các đoàn thể như Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng đều hoạt động và thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy định; chấp hành tốt đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; đảm bảo Quy chế dân chủ và sự lãnh đạo thống nhất của chi bộ.

Nhà trường đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt công tác quản lý hành chính. Chính vì thế nhà trường nhiều năm đạt danh hiệu tập thể lao động Tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc nhiều năm liền.

- Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường tham mưu với chính quyền địa phương về bảo vệ an toàn trật tự trường học nhưng việc kiểm tra chưa thường xuyên, giải quyết không dứt điểm việc đậu xe ô tô trước cổng trường.

* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:

Mức 1: 10/10

Mức 2: 9/10

Mức 3: 4/5

* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

Mức 1: 0/10

Mức 2: 01/10

Mức 3: 01/5

2. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đa phần có trình độ trên chuẩn, đảm bảo giảng dạy đầy đủ các bộ môn trong chương trình cấp trung học cơ sở; 100% giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên. Đội ngũ nhân viên đa số đã qua các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Học sinh của trường phù hợp các yêu cầu của Điều lệ trường trung học.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 6 ra quyết định bổ nhiệm. Hiệu trưởng tốt nghiệp Đại học sư phạm

ngành Ngữ văn, tốt nghiệp thạc sỹ quản lý giáo dục; có thâm niên công tác 19 năm từ năm 2001 đến 2020; 01 phó hiệu trưởng tốt nghiệp Đại học sư phạm ngành Ngữ văn, tốt nghiệp thạc sỹ quản lý giáo dục; có thâm niên công tác 30 năm từ năm 1996 đến năm 2020; 01 phó hiệu trưởng tốt nghiệp Đại học sư phạm ngành Sinh học, tốt nghiệp thạc sỹ quản lý giáo dục; có thâm niên công tác 18 năm từ năm 2001 đến năm 2020 [H2-2.1-01].

b) Trong 5 năm từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019 – 2020, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được các cấp lãnh đạo đánh giá đạt chuẩn trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đã được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bồi dưỡng và được cấp giấy chứng nhận quản lý giáo dục, hiệu trưởng hoàn thành lớp Cao cấp lý luận chính trị, phó hiệu trưởng hoàn thành lớp Trung cấp chính trị. Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng còn được tham dự các lớp bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn như lớp quản lý trường học, chứng chỉ đầu thầu, quốc phòng an ninh, chức danh nghề nghiệp, tin học văn phòng, ngoại ngữ, pháp chế. Tuy nhiên, cán bộ quản lý nhà trường còn hạn chế trong việc giao tiếp tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài [H2-2.1-01].

Mức 2:

a) Trong 05 năm qua kể từ năm học 2015 – 2016 đến nay, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn ở mức tốt trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng theo các điều 4, điều 5, điều 6, điều 7, điều 8 tại chương II của Thông tư 29/2009/TT- BGDĐT [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định [H11-2.1-01]. Được giáo viên, nhân viên tín nhiệm. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều hoàn thành các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục như: tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị, tốt nghiệp Chương trình bồi dưỡng hiệu trưởng trường trung học cơ sở do trường cán bộ quản lý giáo dục thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, lớp Bồi dưỡng kiến thức an ninh quốc phòng của Ban chỉ huy Quân sự Quận 6. Hằng năm, cán bộ quản lý của nhà

trường đều tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị, chuyên môn trong hệ do Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm qua, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn ở mức tốt theo Quy định chuẩn hiệu trưởng [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý đảm bảo đủ về số lượng, cơ cấu, có phẩm chất chính trị tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, nắm vững chương trình của cấp học. Được tập thể tin nhiệm và các cấp lãnh đạo đánh giá cao về năng lực quản lý.

3. Điểm yếu

Cán bộ quản lý còn hạn chế trong việc giao tiếp tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2020 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý tập trung học nâng cao trình độ giao tiếp với người nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất

60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tính đến thời điểm tháng 8 năm 2020, trường có tổng cộng 82 giáo viên biên chế ở các bộ môn, đáp ứng đủ theo cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập cho tất cả các môn học. Tuy nhiên, do chưa tuyển dụng được nên nhà trường hiện vẫn đang thực hiện chế độ thỉnh giảng 2 giáo viên Ngữ văn [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

b) Tính đến thời điểm tháng 8 năm 2020, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên theo quy định tại Điều 33 trong điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được quy định tại thông tư 12/2011/TT-BGDĐT. Hằng năm nhà trường đều có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, tạo điều kiện thuận lợi về mặt thời gian, hỗ trợ kinh phí để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn

ng nghiệp vụ và lý luận chính trị do cấp trên tổ chức [H1-1.7-01]; [H2-2.2-03].

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có trên 80% đạt mức Khá trở lên và có trên 30% đạt mức Tốt. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-04].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2015 – 2016 đến nay, giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức khá trở lên, trong đó có trên 80% đạt mức Khá trở lên và có trên 30% đạt mức Tốt [H2-2.2-03].

c) Giáo viên nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm lồng ghép trong các tiết học như làm thí nghiệm môn sinh, môn hóa, thực hành đo đạc trong các tiết toán, trải nghiệm trong trường như chăm sóc cây xanh, thiết kế các mô hình, tên lửa nước, thiết kế pháo hoa đơn giản, trải nghiệm diễn tập phòng cháy chữa cháy. Ngoài ra hằng năm nhà trường có tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm như viếng liệt sỹ, tham quan học tập tại bên Nhà Rồng, về nguồn Rạch Gầm - Xoài Mút, trải nghiệm trồng rau tại khu công nghệ cao Củ Chi. Giáo viên có khả năng định hướng nghề nghiệp, phân luồng nghề nghiệp sau Trung học cơ sở, phân luồng học nghề của trường qua các năm đều tăng và đạt yêu cầu trên 20%. Hằng năm, giáo viên chủ nhiệm lớp 9 đều dạy các tiết hướng nghiệp, phối hợp với các trường nghề tổ chức các buổi tuyên truyền, phân tích, định hướng cho học sinh và chọn lựa đúng hướng đi cho học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở [H2-2.2-05]; [H2-2.2-06]; [H2-2.2-07]; [H2-2.2-08]; [H2-2.2-09]; [H2-2.2-10]; [H5-5.3-03].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có trên 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-04].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, giáo viên nhà trường đều có nghiên cứu khoa học được công nhận cấp Quận và cấp Thành phố [H1-1.2-12].

2. Điểm mạnh

100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trong đó tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đạt khá cao.

3. Điểm yếu

Mặc dù đa phần giáo viên đã có chứng chỉ tin học, ngoại ngữ nhưng vẫn còn 1 giáo viên lớn tuổi chưa có chứng chỉ ngoại ngữ (do sắp về hưu).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2020 và năm 2021, hiệu trưởng tổ chức vận động giáo viên tham gia học ngoại ngữ để đảm bảo theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ nhân viên phụ trách các bộ phận như: 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị - thí nghiệm, 01 nhân viên công nghệ thông tin, 07 nhân viên phục vụ, 04 nhân viên bảo vệ, 01 giáo viên kiêm nhiệm công tác học vụ, 01 giáo viên phụ trách phổ cập [H2-2.2-01]; [H2-2.2-03].

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với đúng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.6-13]; [H2-2.2-03].

c) Nhân viên trong nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Nhân viên văn thư làm tốt nghiệp vụ, báo cáo kịp thời, nhân viên thủ quỹ thực hiện quản lý tiền mặt an toàn, báo cáo thu chi hằng tuần, hằng tháng cho hiệu trưởng; học vụ thực hiện tốt chức trách được đoàn kiểm tra ghi nhận và đánh giá tốt; kế toán quản lý về tài chính không sai sót, báo cáo cập nhật kịp thời thu chi hằng tháng, hằng quý, hằng năm; y tế làm tốt công tác tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh cho học sinh, giáo viên trong trường; được cơ quan y tế cấp trên đánh giá tốt; thư viện sắp xếp các kệ sách, tổ chức các buổi giới thiệu sách báo, thu hút học sinh đến thư viện đọc sách, tìm tài liệu; thiết bị thí nghiệm được đánh giá là tốt [H1-1.4-11]; [H1-1.4-12]; [H1-1.4-13]; [H1-1.6-09]; [H1-1.6-12].

Mức 2:

a) Theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập thì nhà trường đảm bảo đủ 01 văn thư, 01 kế toán, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị - thí nghiệm, 01 nhân viên công nghệ thông tin, 01 giáo viên phụ trách phổ cập kiêm nhiệm công tác hỗ trợ giáo dục người khuyết tật [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-09]; [H2-2.2-04].

Mức 3:

a) Nhân viên nhà trường đều có bằng tốt nghiệp theo đúng chuyên môn được giao (bằng trung cấp trở lên). Tuy nhiên nhân viên bảo vệ vẫn chưa đảm bảo 100% có chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ theo quy định [H1-1.6-13].

b) Hằng năm các nhân viên nhà trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công như tập huấn nghiệp vụ lưu trữ, tập huấn phần mềm kế toán, tập huấn nghiệp vụ thư viện, thiết bị [H2-2.3-02].

2. Điểm mạnh

Số lượng nhân viên của trường đảm bảo đúng quy định.

3. Điểm yếu

Nhân viên bảo vệ thiếu chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phấn đấu đến hết năm 2021, hiệu trưởng tạo điều kiện thuận lợi để nhân viên bảo vệ tham dự tập huấn nghiệp vụ bảo vệ đạt 100%.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh**

Mức 1:

a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*

b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*

c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Học sinh vào học lớp 6 của trường hằng năm đều có độ tuổi từ 11, đảm bảo đúng quy định về độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường trung học. Trường không có trường hợp học sinh đi học trước tuổi hoặc học sinh lưu ban quá 02 lần trong một cấp học [H1-1.2-10]; [H1-1.5-02].

b) Mỗi đầu năm học, nhà trường đều triển khai đến học sinh những quy định về nhiệm vụ của học sinh và các hành vi học sinh không được làm. Những bảng quy định này được treo ở sảnh trường, lớp học để giúp học sinh nắm vững và thực hiện. Hầu hết học sinh hoàn thành các nhiệm vụ của mình theo quy định và không vi phạm quy định về các hành vi học sinh không được làm. Một số học sinh do thiếu sự quan tâm của cha mẹ nên vẫn chưa hoàn thành được hết các nhiệm vụ học tập và nội quy [H2-2.4-01].

c) Học sinh được nhà trường đảm bảo các quyền như được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được tạo điều kiện về cơ sở vật chất, được cung cấp thông tin về việc học của mình, được sử dụng các trang thiết bị phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao. Học sinh được tôn trọng, đối xử bình đẳng, dân chủ; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật; được giáo dục kỹ năng sống. Học sinh được nhận học bổng hoặc trợ cấp theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H2-2.4-02]; [H2-2.4-03]; [H2-2.4-04]; [H2-2.4-05].

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyên biên tích cực. Một số học sinh vi phạm các hành vi không được làm như vô lễ với giáo viên, gian lận trong kiểm tra, thi cử, mang điện thoại di động, nghe nhạc trong giờ học, hút thuốc lá, đánh nhau, hút shisa. Các hành vi này được giáo viên phát hiện kịp thời xử lý bằng nhiều hình thức khác nhau như viết bản tự kiểm, mời trao đổi, giáo dục nhắc nhở; đa số các em đều có sự chuyên biên tích cực, nhận ra lỗi sai và

không tái phạm nên trong nhiều năm gần đây nhà trường không có học sinh nào phải bị xử lý kỷ luật bằng hình thức đuổi học [H1-1.5-03].

Mức 3:

Nhà trường có nhiều học sinh có thành tích tốt trong học tập, tham gia tích cực các hoạt động của lớp, của Đội thiếu niên tiên phong. Trong năm học nhiều học sinh đạt thành tích học sinh giỏi và học sinh tiên tiến, một số học sinh đạt các giải cao trong các kì thi học sinh giỏi cấp quận và cấp thành phố. Tất cả thành tích này đều được nhà trường vinh danh dưới nhiều hình thức nhằm mục đích tuyên dương và tạo sự lan tỏa đến các em học sinh khác [H2-2.4-05]; [H5-5.2-04]; [H5-5.2-09].

2. Điểm mạnh

Học sinh học đúng độ tuổi theo quy định. Đa số học sinh thực hiện tốt nội quy của nhà trường và giao tiếp có văn hóa, có ý thức thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh. Được đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số ít học sinh chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ khi đến trường do bận sinh kế, thiếu quan tâm đến việc học của con em.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 – 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tăng cường công tác giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh và làm tốt công tác tư vấn tâm lý trong nhà trường; kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh để tăng cường tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của trong việc quan tâm chăm lo việc học của các em đồng thời trợ cấp học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

- Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường đảm bảo tốt cơ cấu, số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định Điều lệ trường trung học; thực hiện đầy đủ các quy định về độ tuổi học sinh trung học cơ sở, giáo dục toàn diện cho học

sinh và đảm bảo các quyền của học sinh.

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục tăng cường công tác giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh và làm tốt công tác tư vấn tâm lý.

- Điểm yếu cơ bản:

Chưa có nhiều giáo viên hướng dẫn nghiên cứu khoa học và tham gia nghiên cứu khoa học.

* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:

Mức 1: 4/4

Mức 2: 4/4

Mức 3: 4/4

* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

Mức 1: 0/4

Mức 2: 0/4

Mức 3: 0/4

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Một đơn vị trường học hoàn chỉnh theo quy định hiện nay của Bộ Giáo dục và Đào tạo không chỉ căn cứ vào chất lượng giảng dạy và học tập của đội ngũ sư phạm, học sinh mà còn phải đạt những quy chuẩn về vật chất theo các quy định hiện hành của các cơ quan thẩm quyền. Yêu cầu về cơ sở vật chất đối với đơn vị trường học hiện nay bao gồm: khuôn viên phải đảm bảo sự riêng biệt với tường bao, cổng trường, biển tên trường và phải đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp. Ngoài ra, cơ sở vật chất nhà trường cũng phải đáp ứng đủ theo yêu cầu của chương trình đổi mới, thay sách giáo khoa mới, việc kết nối internet phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, học tập; khối phòng phục vụ học tập, hành chính của nhà trường.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông được đưa vào sử dụng năm 2003, đến nay trường có quy mô 46 phòng học và 6 phòng chức năng đạt chuẩn, tọa lạc trên diện tích 10.800m² trong đó có 2.000m² được phủ xanh bởi thảm cỏ, bồn hoa và hàng cây đảm bảo các yêu cầu về xanh, sạch đẹp, thoáng mát, an toàn. Tuy nhiên, việc chăm sóc cây xanh lầy bóng mát không thuận lợi do trước đây, khu đất xây dựng nhà trường là vỉa than đá nên rất khó cho cây phát triển tốt [H3-3.1-01].

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có 02 cổng trường đang sử dụng làm cổng chính ra vào hằng ngày. Biển tên trường thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đặt ở vị trí phù hợp kiên cố. Xung quanh trường có hệ thống tường rào bảo vệ đảm bảo an toàn, tạo điều kiện tốt cho việc dạy và học của giáo viên, học sinh [H3-3.1-02].

c) Khu sân bãi, đường nội bộ chiếm 4.667m² đủ rộng để học sinh sinh hoạt. Sân trường được lát gạch bằng phẳng, khu sân trước có nhiều cây xanh tán lá rộng, phủ bóng mát thuận tiện cho học sinh vui chơi. Trường có hạng mục nhà thi đấu với diện tích 673m² thuận lợi để tổ chức luyện tập thể dục thể thao cho học sinh. Nhà trường đã trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị luyện tập cơ bản,

đảm bảo an toàn cho học sinh khi học tập và rèn luyện thể dục thể thao [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập của nhà trường hoàn toàn đáp ứng tất cả các hoạt động học tập, vui chơi cho toàn bộ học sinh tại cùng 1 thời điểm [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông thuộc nội thành được thành lập năm 2003 có diện tích sàn là hơn 16.000m² với tổng số 1.997 học sinh (theo số liệu 2020), bình quân 8,0 m²/học sinh. Khu sân chơi, bãi tập của trường có diện tích 8.000m² (chiếm 74% tổng diện tích sử dụng của trường) [H3-3.1-01]; [H15-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, tường bao, cổng trường, biển trường, nhà trường có môi trường xanh, sạch, đẹp thoáng mát.

3. Điểm yếu

Cây xanh khó phát triển tốt do địa chất là vỉa than.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 – 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận phụ trách tiếp tục duy trì và thường xuyên chăm sóc cây xanh và bồn hoa cây cảnh như thường xuyên chăm bón phân, cải tạo đất.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) *Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

b) *Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.*

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 46 phòng học cho 46 lớp, đảm bảo không quá 2 ca trong một ngày, mỗi phòng có diện tích 51,5m², được trang bị 10 bóng đèn, 08 quạt treo tường, 01 bộ bàn ghế giáo viên, 24 bàn đôi học sinh, 45 ghế học sinh và đảm bảo thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế cho học sinh và giáo viên. Các phòng học đều có bảng tên lớp ngoài cửa, bên trong được trang bị 01 bảng từ (màu xanh lá, chống lóa) có kích thước 1,2mx4,8m và có trang trí ảnh Bác, khẩu hiệu và 5 điều Bác Hồ dạy. Hiện nay, nhà trường còn 13 phòng học có bàn, ghế học sinh chưa tách rời theo quy định của thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế [H3-3.1-02].

b) Nhà trường có 6 phòng bộ môn gồm 01 phòng thực hành Lý, 01 phòng thực hành Hóa, 01 phòng thực hành Sinh, 01 phòng thực hành Công nghệ và 2 phòng thực hành Tin học với 90 máy vi tính với màn hình LCD cho học sinh, tất cả đều được kết nối internet cáp quang để phục vụ học tập của học sinh, 01 phòng học ngoại ngữ với bảng tương tác và âm thanh đạt tiêu chuẩn quy định [H3-3.1-02]; [H3-3.2-03]; [H3-3.5-05].

c) Nhà trường có 01 phòng hoạt động Đoàn – Đội, 01 phòng thư viện được cải tạo sửa chữa đạt chuẩn và 01 phòng truyền thống. Tuy nhiên, phòng truyền thống vẫn chưa có nhiều hình ảnh, tư liệu phong phú về lịch sử nhà trường [H3-3.1-02].

Mức 2:

Các phòng bộ môn: phòng thực hành Lý, phòng thực hành Hóa, phòng thực hành Sinh, phòng thực hành Công nghệ với diện tích mỗi phòng là 77,2m². Tất cả các phòng thực hành thí nghiệm đều được lắp đặt bàn ghế, trang thiết bị theo đúng quy chuẩn của do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài ra trường còn có 2 phòng Tin học, diện tích mỗi phòng là 77,2m² với tổng cộng 90 máy cho học sinh, tất cả đều được kết nối internet để phục vụ học tập của học sinh. Tất cả các phòng thực hành này do đã được xây dựng từ năm 2003 nên chưa đáp ứng tốt cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.2-01].

b) Khôi phục vụ học tập nhà trường gồm có 01 nhà thi đấu đa năng, 01 phòng học vụ, 01 phòng truyền thống, phòng thiết bị, phòng đồ dùng chuẩn bị giảng dạy, phòng thư viện và 01 phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật hòa nhập. Tất cả các phòng này đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường theo quy định [H3-3.1-02].

Mức 3:

Các phòng học, các phòng bộ môn hiện tại của trường đều được trang bị máy vi tính, màn hình LCD để hỗ trợ giảng dạy; các phòng bộ môn có đủ các dụng cụ, thiết bị dạy học theo quy định; 02 phòng Tin học được trang bị 90 máy vi tính có kết nối mạng internet [H3-3.2-01]; [H3-3.2-03].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ phòng học để tổ chức giảng dạy học sinh học không quá 02 ca mỗi ngày. Phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ bàn ghế học sinh, có bàn ghế của giáo viên, bảng viết.

Phòng học bộ môn có đủ và đúng quy cách theo quy định đảm bảo phục vụ tốt cho việc dạy và học trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Do đầu tư và đưa vào sử dụng trên 18 năm nên còn 13 phòng học có bàn, ghế học sinh chưa tách rời theo quy định, phòng truyền thống vẫn chưa có nhiều hình ảnh, tư liệu phong phú về lịch sử nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng sẽ trình Ủy ban nhân dân Quận 6 đầu tư sửa chữa, thay thế số bàn ghế chưa đạt chuẩn cũng như thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn kinh phí trang bị thêm các trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học. Ngoài ra, nhà trường sẽ tiến hành cải tiến phòng truyền thống cho phù hợp hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1 Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khối hành chính - quản trị của nhà trường gồm có: phòng hiệu trưởng, các phòng phó hiệu trưởng, phòng giáo viên, phòng y tế, phòng đoàn đội, phòng kế toán, phòng quản lý học sinh, nhà kho, phòng công đoàn, phòng nghỉ giáo viên, phòng bảo vệ. Tất cả các phòng đều có đủ bàn ghế, tủ, trang thiết bị văn phòng đúng quy định [H3-3.1-02].

b) Nhà trường có 02 khu để xe riêng biệt, 01 khu dành cho giáo viên, nhân viên và xe khách, 01 khu để xe học sinh. Khu để xe được bố trí hợp lý nằm ở ngay cổng ra vào, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.1-02].

c) Mỗi năm nhà trường đều sửa chữa, bổ sung các thiết bị khôi hành chính – quản trị. Tuy nhiên hiện nay do xây dựng đã lâu năm và trên nền đất yếu nên một số phòng chức năng đã xuống cấp, sụt lún, lở tường, bong tróc [H3-3.3-03].

Mức 2:

Khu vực hành chính - quản trị đáp ứng các quy định và khu bếp ăn được trang bị hệ thống bếp ăn đầy đủ, nhà ăn có bàn ăn sạch sẽ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Khu nhà bếp, nhà ăn được xây dựng đúng quy chuẩn, các phòng nghỉ của giáo viên, phòng ngủ bán trú học sinh được trang bị đầy đủ vật dụng, có quạt, máy lạnh thoáng mát, đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.1-02]; [H3-3.3-03].

Mức 3:

Khôi hành chính - quản trị của nhà trường được trang bị đầy đủ các thiết bị thiết yếu như máy tính, máy in, bàn ghế làm việc, đèn, quạt, tủ đựng hồ sơ được sắp xếp ngăn nắp, khoa học và hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động giáo dục của đơn vị [H3-3.2-03]; [H3-3.3-03]; [H3-3.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị, vật dụng, các loại máy văn phòng phục vụ công tác quản lý và giảng dạy. Tất cả máy tính đều được nối mạng internet cáp quang của VNPT và Viettel, đủ phục vụ các hoạt động giáo dục.

Ngoài ra còn có đầy đủ các thiết bị y tế tối thiểu, tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu theo quy định và có nhân viên chuyên trách y tế phụ trách.

3. Điểm yếu

Một số phòng chức năng do được xây dựng cách đây khá lâu nên hiện có dấu hiệu xuống cấp như lở tường, lún nền hoặc có dấu hiệu mối xông.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2021, hiệu trưởng dành phần nguồn kinh phí tự chủ để thực hiện bảo dưỡng, trang bị thêm các trang thiết bị phục vụ cho công tác giáo dục, đồng thời khắc phục, sửa chữa các phòng chức năng xuống cấp: lở tường, lún nền, có dấu hiệu mối xông.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có khu vực nhà vệ sinh được bố trí phù hợp tại đầu mỗi dãy lầu, thiết kế đúng quy cách, đủ để phục vụ cho học sinh. Nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tách biệt với khu nhà vệ sinh học sinh. Các tầng lầu đều có nhà vệ sinh cho học sinh nam và nữ. Các công trình vệ sinh đều đảm bảo thông thoáng, khô ráo, đủ ánh sáng, sạch sẽ và thân thiện, có các khẩu hiệu nhắc nhở học sinh giữ vệ sinh chung. Khu vệ sinh của nhà trường có bố trí 2 phòng dưới tầng trệt đủ đáp ứng cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Tuy nhiên, do được xây dựng từ năm 2001, nên khu nhà vệ sinh của nhà trường đã xuống cấp nhiều [H3-3.1-02].

b) Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, toàn bộ hệ thống thoát nước được thiết kế ngầm, thoát nước trực tiếp ra kênh Tân Hóa – Lò Gốm. Nhà trường có nguồn nước sạch do Công ty cấp nước Chợ Lớn cung cấp dùng để sinh hoạt, hằng năm trường đều thực hiện kiểm tra chất lượng nguồn nước theo quy định và đều đạt yêu cầu. Nguồn nước uống của trường sử

dụng nước uống đóng chai do công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thực phẩm và nước giải khát Gia Huy cung cấp, có giấy chứng nhận chất lượng và đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02]; [H3-3.4-04].

c) Nhà trường có nhà chứa rác với diện tích 4m², có xây vách ngăn mùi, cách xa khu vực học tập của học sinh. Khuôn viên trường có hệ thống thoát nước riêng biệt, không làm ô nhiễm môi trường. Trường có hợp đồng với Công ty dịch vụ Công ích Quận 6 để thực hiện thu gom rác mỗi ngày đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường [H3-3.4-03].

Mức 2:

a) Nhà vệ sinh nằm ngay ở cạnh các đầu dãy hành lang, thoáng mát có ánh nắng đảm bảo thuận tiện và phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.1-02].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/05/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đảm bảo đạt quy định của Bộ y tế [H3-3.4-02]; [H3-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Khu vệ sinh giáo viên, nhân viên, học sinh được bố trí hợp lý theo tiêu chí xanh, sạch, đẹp; có trang bị đủ nước sạch; đầy đủ ánh sáng và không ô nhiễm môi trường; có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực và đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu

Khu nhà vệ sinh của nhà trường đã xuống cấp nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2021, hiệu trưởng dành khoản kinh phí phù hợp từ nguồn ngân sách và thực hiện công tác xã hội hóa để duy tu, sửa chữa nhà vệ sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

- a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;
- b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị đủ thiết bị văn phòng bàn ghế làm việc, tủ đựng hồ sơ lưu trữ, và các thiết bị máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy in, máy photocopy. Ngoài ra, nhà trường còn có hệ thống camera để quản lý an ninh, trật tự trong trường và trước cổng trường [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định cho tất cả các bộ môn, đủ phục vụ công tác giảng dạy và học tập của học sinh; số thiết bị dạy học này được sắp xếp ngăn nắp, khoa học tại phòng thiết bị, các phòng học thí nghiệm thực hành và kho của nhà đa năng [H3-3.5-01].

c) Hằng năm, trường tổ chức kiểm kê tài sản để đánh giá lại về thực trạng bảo quản thiết bị giáo dục của nhà trường từ đó tiến hành tổ chức sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng, trang thiết bị dạy học [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công. Tất cả các phòng hành chính, phòng bộ môn có hệ thống máy tính được kết nối internet [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

b) Trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định để phục vụ công tác quản lý và hoạt động dạy và học [H3-3.5-01].

c) Mỗi năm học, nhà trường có bổ sung thêm các thiết bị dạy học cho các phòng thực hành Lý, phòng thực hành Hóa, phòng thực hành Sinh, phòng thực hành Công nghệ thiết bị giáo dục theo đề xuất của giáo viên phụ trách các phòng trên và của các tổ chuyên môn. Tuy nhiên hiện nay, việc tự làm đồ dùng dạy học chưa được phong phú [H3-3.5-01]; [H3-3.5-06].

Mức 3:

Các phòng thực hành Lý, phòng thực hành Hoá, phòng thực hành Sinh và phòng thực hành Công nghệ có đầy đủ thiết bị và hoạt động theo lịch thí nghiệm thực hành trong cả năm học mang lại hiệu quả thiết thực trong việc giảng dạy và học tập [H3-3.5-01]; [H3-3.5-07].

2. Điểm mạnh

Giáo viên thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin để dạy giáo án kỹ thuật số và làm phương tiện hỗ trợ hoạt động dạy và học theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tạo hứng thú cho học sinh.

3. Điểm yếu

Đồ dùng dạy học tự làm hằng năm bổ sung cho thiết bị giáo dục nhà trường chưa được phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020 – 2021, khuyến khích giáo viên tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục và giảng dạy, ngoài ra hiệu trưởng sẽ chỉ đạo phó hiệu trưởng chuyên môn nghiên cứu tổ chức hội thi làm đồ dùng dạy học, khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học có giá trị và hiệu quả để bổ sung thêm thiết bị dạy học của trường phong phú hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện**Mức 1:**

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

a) Trường có 1 thư viện chung cho cả giáo viên và học sinh được đặt ở tầng trệt có diện tích 240m². Thư viện của nhà trường hằng năm đều được bổ sung sách, báo, tạp chí và tài liệu tham khảo, phục vụ tốt cho nhu cầu nghiên cứu, học tập của giáo viên và học sinh. Hằng tháng, thư viện có đặt mua các loại báo theo quy định [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04].

b) Việc quản lý và tổ chức phục vụ của nhân viên thư viện chu đáo, có xây dựng kế hoạch, lịch hoạt động, nội quy thư viện, làm thẻ thư viện cho học sinh. Thư viện có xây dựng kế hoạch, lịch hoạt động cụ thể, hồ sơ quản lý thư viện đầy đủ. Nhân viên thư viện luôn tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên, học sinh mượn sách để nghiên cứu, tìm hiểu, học tập, giảng dạy. Cuối mỗi năm, nhân viên thư viện đều tiến hành thu hồi sách mượn của giáo viên, học sinh;

kiểm kê, thanh lý và đề xuất kinh phí mua sắm sách cho năm học mới nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Trong năm học, thư viện còn phối hợp với các giáo viên, tổ chuyên môn tổ chức các chuyên đề, cuộc thi, hội thi để thu hút học sinh tham gia đọc sách, hỗ trợ việc dạy và học của giáo viên, học sinh [H3-3.6-08]; [H3-3.6-11].

c) Hằng năm, thư viện được kiểm kê, bổ sung thêm các loại sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, tài liệu tham khảo, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-08]; [H3-3.6-11]; [H3-3.6-12]; [H3-3.6-13].

Mức 2:

Căn cứ theo Quy định về tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thư viện của nhà trường nhiều năm liền đạt Thư viện trường học đạt xuất sắc. Tuy nhiên, nhà trường chưa thực hiện tốt góc đọc sách di động trong khuôn viên nhà trường [H3-3.6-10].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường nhiều năm liền đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện gồm 5 máy được kết nối Internet tốc độ cao cấp quang đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-09].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, thư viện trường bổ sung đầy đủ sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của giáo viên và học sinh. Công tác quản lý và tổ chức phục vụ của thư viện đáp ứng yêu cầu của giáo viên và học sinh. Thư viện trường được đánh giá đạt tiên tiến hằng năm.

3. Điểm yếu

Chưa thực hiện tốt khu vực đọc sách di động do chỉ có 01 nhân viên thư viện nên thường xuyên bị quá tải trong công việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 – 2021, hiệu trưởng sẽ hỗ trợ để thư viện xây dựng góc đọc sách di động cho hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

- Điểm mạnh nổi bật:

Tất cả các bộ môn đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị, máy móc phục vụ tốt cho công tác giảng dạy.

- Điểm yếu cơ bản:

Đồ dùng dạy học tự làm hằng năm bổ sung cho thiết bị giáo dục nhà trường chưa được phong phú.

*** Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:**

Mức 1: 0/6

Mức 2: 1/6

Mức 3: 5/6

*** Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:**

Mức 1: 0/6

Mức 2: 0/6

Mức 3: 0/5

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh, nhà trường không thể tách mình ra khỏi mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ với môi trường gia đình và xã hội. Mối quan hệ này là tác nhân chính trong việc giáo dục, hình thành nhân cách cho học sinh.

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội luôn được nhà trường quan tâm củng cố nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn gắn bó và hỗ trợ nhà trường có hiệu quả trong mọi hoạt động. Đảng ủy và chính quyền cùng các ban ngành, đoàn thể Phường luôn

quan tâm sâu sát và tạo điều kiện để nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục tại địa phương.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường được thành lập theo đúng hướng dẫn của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh được ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-01].

b) Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đều có xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động để phối hợp với nhà trường làm tốt các nhiệm vụ như: phối hợp với hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động khác. Ngoài ra còn hỗ trợ nhà trường trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh; bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém; giúp đỡ học sinh nghèo và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác [H4-4.1-03]; [H4-4.1-05].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ. Nhà trường tổ chức các cuộc họp với cha mẹ học sinh, Ban Đại diện cha mẹ học sinh lớp, Ban thường trực Đại diện cha mẹ học sinh trường để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, vẫn còn ít thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa sắp xếp thời gian để tham dự họp đầy đủ cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường [H4-4.1-06].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, trường đã phối hợp tốt với nhà trường huy động học sinh đến trường, thăm hỏi giúp đỡ học sinh và cha mẹ học sinh khi bị bệnh, tai nạn hoặc thăm viếng gia đình học sinh khi có tang sự để học sinh an tâm đến trường, hạn chế các trường hợp học sinh có hoàn cảnh khó khăn phải bỏ học [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp và các giáo viên bộ môn động viên cha mẹ học sinh trong lớp thực hiện trách nhiệm và quyền của mình đối với việc học tập và rèn luyện của con em mình theo qui định của điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường phối hợp với chi hội các lớp, mạnh thường quân chăm lo cho những học sinh hoàn cảnh khó khăn như: trao học bổng, hỗ trợ dụng cụ học tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; tuyên dương khen thưởng cho những học sinh giỏi cuối năm của trường, học sinh đạt giải cấp quận và thành phố. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp các tổ chức xã hội để hỗ trợ xây dựng vật chất cho trường như hỗ trợ hoạt động giáo dục học sinh, trang bị cơ sở vật chất, tài trợ cây xanh tạo mảng xanh trong sân trường, trang bị ghế đá cho học sinh ngồi nghỉ giờ chơi [H4-4.1-04]; [H4-4.1-07].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp và nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ hiện hành, phối hợp tốt với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

Các thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh rất nhiệt tình, có tâm huyết với ngành, luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục của nhà trường và tích cực phối hợp hỗ trợ nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số ít cha mẹ học sinh trong Ban đại diện còn bận công việc riêng, chưa sắp xếp tham dự đầy đủ các buổi họp theo định kì.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 - 2021, hiệu trưởng sắp xếp, vận động những vị nhiệt tình, có thời gian thuận tiện để tham gia trong ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường để tham dự họp đầy đủ hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

b) *Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

c) *Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

a) *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

b) *Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các*

nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường đều thực hiện việc tham mưu với Ủy ban nhân dân Quận, Đảng ủy – Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 6 về hỗ trợ trường trong các hoạt động như vận động 100% học sinh ra đăng ký nhập học, học sinh khối 7, 8, 9 ra lớp sau nghỉ hè, đặc biệt là hỗ trợ cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn đến trường như cấp học bổng khuyến học, giảm học phí. Bên cạnh đó, thông qua Nghị quyết của Chi bộ hằng tháng, trường đã đề xuất với cấp ủy Đảng hỗ trợ một số hoạt động như đảm bảo an ninh trật tự trước cổng trường, vận động học sinh có nguy cơ nghỉ bỏ học ra lớp. Đồng thời hiệu trưởng nhà trường chủ động phối hợp với các ban ngành đoàn thể địa phương trong công tác chăm sóc, giáo dục học sinh, đặc biệt là hỗ trợ cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn đến trường, chủ động báo cáo kịp thời công tác chuẩn bị khai giảng, công tác phổ cập giáo dục, công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, tiến độ cải tạo mở rộng trường trong thời gian qua [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03].

b) Công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện thông qua các hoạt động giáo dục với nhiều hình thức khác nhau. Các hoạt động giáo dục của nhà trường được báo cáo kịp thời với Phòng Giáo dục và Đào tạo và các ban ngành có liên quan, thông tin rộng rãi đến và học sinh đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử, công khai trên bảng tin trước cổng trường để tăng thêm

sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp dạy học, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục [H4-4.2-04] ; [H1-1.2-08].

c) Nhà trường huy động các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định từ Ban Đại diện cha mẹ học sinh nhằm hỗ trợ nhà trường khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc, trao tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tài trợ các công trình cơ sở vật chất cho nhà trường. Trong các chương trình tổ chức hoạt động giáo dục, nhà trường luôn nhận được sự ủng hộ của các đơn vị, đoàn thể về vật chất lẫn tinh thần như hỗ trợ tổ chức hoạt động ngoại khóa, giáo dục an toàn giao thông, phổ biến giáo dục pháp luật, phòng chống ma túy, kỹ năng tự vệ. Tuy nhiên, nguồn vận động duy tu, sửa chữa cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế [H4-4.1-07].

Mức 2:

a) Nhà trường nghiêm túc triển khai và thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp ủy Đảng, chấp hành sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương, đồng thời tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện tốt kế hoạch từng năm học nhằm hoàn thành kế hoạch chiến lược phát triển của đơn vị theo mục tiêu đã đề ra. Nhà trường cũng tham mưu với chính quyền địa phương đầu tư thêm về cơ sở vật chất để nhằm mục tiêu giữ vững danh hiệu trường đạt chuẩn quốc gia [H4-4.2-03].

b) Hằng năm, lãnh đạo nhà trường đã phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường để tổ chức nhiều hoạt động giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hóa, pháp luật, đạo đức lối sống, thể dục thể thao, tuyên truyền, sinh hoạt truyền thống, vệ sinh phòng bệnh, tuyên truyền giáo dục về giới tính, giáo dục pháp luật, đảm bảo an ninh trật tự nhà trường. Các hoạt động thường niên nổi bật như: tuyên truyền về phòng chống tai nạn thương tích, HIV, AIDS, phòng chống ma túy cũng như các bệnh học đường, tuyên truyền về giới tính, sức khỏe sinh sản vị thành niên; phối hợp với Phòng cảnh sát giao thông giáo dục tuyên truyền về luật giao thông đường bộ, nâng cao ý thức chấp hành tuân thủ pháp luật; phối hợp với các trung tâm giáo dục kỹ năng sống sinh

hoạt chuyên đề giáo dục các kỹ năng giao tiếp, ứng xử, đạo đức lối sống cho học sinh; thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thông qua các hội thi, cuộc thi trong những dịp lễ, Tết. Trong các năm học qua, nhà trường cũng đã tổ chức học sinh tham quan học tập, chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa ở địa phương như: viếng bia tưởng niệm căn cứ Hồ Bần, thăm viếng di tích lịch sử Rạch Gầm – Xoài Mút [H4-4.2-04]; [H5-5.3-03].

Mức 3:

Lãnh đạo nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các ban ngành đoàn thể địa phương để tổ chức những hoạt động văn hóa giáo dục, tham gia đầy đủ các hội thi văn nghệ, thể thao và các hoạt động sinh hoạt văn hóa dân gian ở địa phương tổ chức. Trường là một trong những điểm sinh hoạt hè và là địa điểm để các ban ngành đoàn thể địa phương mượn cơ sở để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, là nơi giao lưu văn hóa của địa phương [H4-4.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương để huy động các nguồn lực góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Kinh phí xây dựng, sửa chữa, duy tu cơ sở vật chất còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 – 2021, hiệu trưởng nghiên cứu cách thức nhằm phát huy tốt sự phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để hỗ trợ nhà trường hoạt động hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

- Điểm mạnh nổi bật:

Điểm mạnh của trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông trong việc thiết lập mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội đó là xây dựng được một Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường

có trình độ văn hóa cao, có quan điểm giáo dục học sinh thống nhất với nhà trường, luôn đồng hành cùng nhà trường trong mọi hoạt động giáo dục, hỗ trợ về tinh thần lẫn vật chất trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập của nhà trường. Bên cạnh đó việc thiết lập quan hệ tốt với địa phương Phường 11 Quận 6 cũng tạo nên rất nhiều thuận lợi trong việc ổn định an ninh chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn trường học xung quanh khuôn viên trường, góp phần ngăn chặn tệ nạn xâm nhập trường học.

- Điểm yếu cơ bản:

Việc phối hợp với các tổ chức đoàn thể để tuyên truyền nhằm tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp dạy học, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục của trường còn yếu.

* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:

Mức 1: 0/2

Mức 2: 0/2

Mức 3: 2/2

* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

Mức 1: 0/2

Mức 2: 0/2

Mức 3: 0/2

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Hoạt động giáo dục, kết quả giáo dục chính là thước đo kiểm nghiệm kết quả nỗ lực của tập thể sư phạm nhà trường, ban đại diện học sinh và học sinh. Nhiều năm qua, nhà trường đã không ngừng phấn đấu, đổi mới giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng dạy học, phát huy tính chủ động của học sinh trong học tập, rèn luyện.

Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao về chất lượng và số lượng học sinh khá, giỏi; học sinh lên lớp thẳng và có học sinh giỏi cấp quận và thành phố.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) *Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

b) *Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*

c) *Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2:

a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

b) *Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông. Nhà trường thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học rất cụ thể, đúng thời gian quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục, thực hiện nội dung giảng dạy theo đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.1-05].

b) Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học rất cụ thể, chi tiết theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã triển khai thực hiện

nghiêm túc chương trình giảng dạy và yêu cầu giáo viên đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng cơ bản bộ môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Từ đầu năm học, tổ trưởng chuyên môn căn cứ vào phân phối chương trình, kế hoạch bộ môn để xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ, triển khai đến tất cả giáo viên trong tổ. Mỗi giáo viên căn cứ kế hoạch tổ để xây dựng kế hoạch của cá nhân và thực hiện nghiêm túc việc giảng dạy theo kế hoạch. Nhà trường đảm bảo 100% giáo viên trong nhà trường biết sử dụng các thiết bị dạy học, bảng tương tác, projector và các thiết bị hỗ trợ khác. Giáo viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, trong quản lý cũng như bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho các em học sinh trong lớp. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên thường bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh. Tuy nhiên nhà trường cũng còn một số ít giáo viên lớn tuổi, còn hạn chế hạn chế trong việc vận dụng phương pháp dạy học tích cực và ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn giảng [H5-5.1-01]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04] ; [H5-5.1-06].

c) Nhà trường thực hiện đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh như giao bài tập nhóm, kiểm tra trắc nghiệm, kiểm tra bằng bài thực hành, bằng sản phẩm nghiên cứu. Cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên kiểm tra việc thực hiện kế hoạch dạy học của giáo viên thông qua sổ kế hoạch dạy học của giáo viên, sổ đầu bài của các lớp, qua vở ghi chép của học sinh. Ngoài ra, trong các bài kiểm tra, giáo viên có xây dựng ma trận với nhiều khả năng như nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng nâng cao [H1-1.4-04]; [H1-1.5-04]; [H5-5.1-05].

Mức 2:

a) Trường đã thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục của năm học. Các tổ, nhóm chuyên môn đã thống nhất việc lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh trong các buổi sinh hoạt của tổ, nhóm chuyên môn [H5-5.1-07]; [H1-1.4-04].

b) Trường có kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu để tạo nguồn học sinh giỏi cho trường, cũng như rà soát học sinh yếu để phân công giáo viên bộ môn phụ đạo học sinh yếu gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để nâng cao chất lượng giáo dục. Hằng năm, nhà trường đều có học sinh được công nhận học sinh giỏi cấp quận và cấp thành phố [H5-5.1-06]; [H5-5.1-06].

Mức 3:

Hằng năm, phó hiệu trưởng và tổ chuyên môn thường rà soát, phân tích, đánh giá về việc thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập. Nhà trường cũng rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các chuyên đề và các giải pháp, sáng kiến kinh nghiệm qua các cuộc họp sinh hoạt chuyên môn định kỳ của trường, tổ chuyên môn, từ đó hiệu trưởng có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung cho các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của giáo viên, học sinh [H1-1.2-08]; [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định. Giáo viên tích cực vận dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng dạy học tích hợp, phát triển năng lực của học sinh, thường xuyên quan tâm liên hệ thực tế, rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh. Công tác kiểm tra được tiến hành thường xuyên, có nhận xét, rút kinh nghiệm.

3. Điểm yếu

Có một số ít giáo viên còn hạn chế trong việc sử dụng công nghệ thông tin trong việc giảng dạy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 – 2021, hiệu trưởng chỉ đạo các giáo viên trẻ có trình độ công nghệ thông tin hỗ trợ về kỹ thuật cho giáo viên lớn tuổi trong việc giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hỗ trợ cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong việc tham gia học tập và rèn luyện. Nhà trường đã lập kế hoạch phụ đạo học sinh yếu và bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm học, phân công giáo viên có kinh nghiệm để trực tiếp giảng dạy bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu và phụ đạo học sinh yếu nhằm nâng cao chất lượng dạy học [H5-5.1-06].

b) Đầu năm học, giáo viên chủ nhiệm các lớp rà soát lập danh sách những học sinh thuộc diện hộ nghèo và hộ cận nghèo hoặc học sinh có hoàn cảnh khó khăn để hiệu trưởng nhà trường xem xét thực hiện chế độ miễn giảm các

khoản tiền học phí, hỗ trợ tập vở, trang phục, phát học bổng, quà Tết. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng trong đó chú trọng các học sinh có năng khiếu giỏi văn hóa, giỏi các hoạt động phong trào văn thể mỹ, thể dục thể thao. Việc tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi đã được nhà trường tiến hành từ đầu năm học ở các khối lớp 8 và 9. Giáo viên bộ môn rà soát và chọn những học sinh giỏi có năng khiếu để bồi dưỡng nhằm tạo nguồn cho đội tuyển học sinh giỏi thi cấp quận và thành phố. Việc giúp đỡ học sinh yếu, kém, học sinh khuyết tật học hòa nhập và các em học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được nhà trường chú ý tổ chức phụ đạo, giúp đỡ các em vươn lên trong học tập. Tuy nhiên, do nhiều hoàn cảnh khách quan mà vẫn còn một số học sinh chưa có nhiều chuyển biến trong việc tham gia phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

c) Hằng năm, phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn rà soát, đánh giá tình hình học tập văn hóa của học sinh học lực giỏi, yếu, kém, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Sau mỗi đợt kiểm tra cán bộ quản lý nhà trường đều có xử lý thống kê để tìm ra những tồn tại về công tác dạy và học để chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy [H1-1.1-05]; [H5-5.1-06].

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn đã khắc phục được khó khăn vươn lên trong học tập. Học sinh giỏi, có năng khiếu đều đảm bảo toàn diện các môn học và phát huy năng khiếu của mình trong các kỳ thi tuyển sinh lớp 10 vào các trường chuyên thành phố và quốc gia. Học sinh khuyết tật học hòa nhập của trường được tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục. Học sinh đều học đầy đủ các môn học và đạt kết quả học tập từ trung bình trở lên [H5-5.2-04]; [H5-5.2-05].

Mức 3:

Học sinh nhà trường đạt các giải cao môn văn hóa cấp quận và thành phố. Các giải phong trào Học sinh giỏi máy tính cầm tay, văn hay chữ tốt, lớn lên

cùng sách, khéo tay kỹ thuật, thể dục thể thao, nét vẽ xanh, Aerobic Dance, các hội thi thể dục, thể thao đều đạt nhiều thành tích cấp quận và cấp thành phố [H5-5.2-04].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm yếu

Còn một số học sinh yếu chậm chuyển biến mặc dù giáo viên đã tích cực phụ đạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 – 2021, hiệu trưởng phân công giáo viên quan tâm sâu sắc hơn đến công tác phụ đạo học sinh yếu, tập trung chú ý đến các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chưa hạnh phúc.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các tổ bộ môn của trường đều có xây dựng nội dung giáo dục địa phương theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở các bộ môn Văn, Sử, Địa,

Giáo dục công dân. Giáo viên đảm bảo dạy đầy đủ các tiết trong chương trình giáo dục địa phương theo yêu cầu nội dung kiến thức về địa phương thành phố Hồ Chí Minh, về Quận 6 [H5-5.3-01].

b) Việc kiểm tra, đánh giá các nội dung chương trình giáo dục địa phương được thực hiện đánh giá bằng hình thức bài kiểm tra trên lớp hoặc bài thu hoạch qua hoạt động trải nghiệm thực tế [H5-5.1-05].

c) Hằng năm, giáo viên bộ môn nhà trường đều thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương theo quy định. Tuy nhiên, việc cập nhật tài liệu nội dung giáo dục địa phương chưa được phong phú do nhiều nguyên nhân nhưng trong đó việc thiếu tư liệu và tài chính là những nguyên nhân chính [H1-1.2-13]; [H1-1.4-03].

Mức 2:

Nhà trường đều thực hiện tổ chức cho học sinh tham quan học tập thực tế như di tích chiến thắng lịch sử Rạch Gầm – Xoài Mút, Địa đạo Củ Chi, các danh lam, di tích lịch sử trong Thành phố, sau đó học sinh viết bài thu hoạch giúp học sinh tiếp thu tốt nội dung giáo dục địa phương, phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn [H5-5.3-03]; [H5-5.4-02].

2. Điểm mạnh

Giáo viên thực hiện nghiêm túc và đa dạng các hình thức giáo dục địa phương, từ đó giáo dục các em lòng yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào về truyền thống văn hóa, lịch sử, địa lý địa phương.

3. Điểm yếu

Việc cập nhật tài liệu về giáo dục địa phương của các bộ môn chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng và tổ trưởng nghiên cứu thực hiện cập nhật bổ sung tư liệu chương trình giáo dục địa phương để giáo viên và học sinh có điều kiện đọc, tìm hiểu, nghiên cứu để dạy và học nội dung giáo dục địa phương có hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) *Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;*
- b) *Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;*
- c) *Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2:

- a) *Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;*
- b) *Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch tổ chức trải nghiệm, hoạt động hướng nghiệp theo điều kiện thực tế của nhà trường; nhà trường thực hiện dạy nghề phổ thông cho học sinh khối 8 [H5-5.4-01].

b) Nhà trường thường xuyên tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm như tham quan các địa danh, di tích, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. Nhà trường cũng phối hợp với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quận 6 để dạy nghề phổ thông cho học sinh khối 8 theo kế hoạch năm học. Các em học sinh lớp 9 hằng năm đều được nhà trường tổ chức cho tham dự ngày hội tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm do Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường trung cấp nghề thực hiện. Tổ chức tham quan hướng nghiệp tại các xưởng, nhà máy sản xuất trên địa bàn trong và ngoài thành phố [H1-1.1-05]; [H1-1.4-03]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

c) Ngoài ra, nhà trường cũng phân công cho nhóm giáo viên môn Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các tiết hướng nghiệp, dạy nghề cho

học sinh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H5-5.1-07]; [H5-5.4-02].

Mức 2:

a) Nhà trường thường xuyên tổ chức được các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, dạy học theo định hướng STEM, hướng nghiệp với các hình thức phong phú, phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực như thiết kế tên lửa nước, thiết kế pháo hoa đơn giản, thực hành băng bó vết thương, đo cây xanh. Thông qua các hoạt động trải nghiệm, học sinh dần dần có tinh thần học tập cao, được động viên khích lệ kịp thời, được tôn trọng và đánh giá thực chất khả năng học tập của mình. Các em học sinh vận dụng tốt kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giúp các em hiểu rõ vấn đề, nội dung được học nên chất lượng các bài kiểm tra được nâng cao [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

b) Tùy thời điểm trong năm học, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để rút kinh nghiệm về việc tổ chức và kết quả của các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh. Tuy nhiên trong quá trình tổ chức, do hạn chế về tài chính mà nhà trường vẫn chưa tổ chức được đại trà cho học sinh tham gia [H1-1.2-08]; [H1-1.2-13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hướng nghiệp cho học sinh theo quy định. Học sinh tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hướng nghiệp cho học sinh còn hạn chế do phụ thuộc vào nguồn lực tài chính.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tiếp theo, hiệu trưởng sẽ tiếp tục duy trì tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, dạy học theo định hướng STEM, hướng nghiệp thiết thực cho học sinh nhằm giáo dục toàn diện cho học sinh. Hiệu trưởng phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện xã hội hóa tăng

thêm nguồn lực tài chính để giúp học sinh có điều kiện tham gia tích cực các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, cán bộ quản lý nhà trường xây dựng kế hoạch định hướng, hình thành kỹ năng sống và luôn định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được giáo viên thực hiện lồng ghép trong giảng dạy các bộ môn, trong các buổi sinh hoạt tập thể, hoạt động trải nghiệm, tham quan hướng nghiệp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt các câu lạc bộ của nhà trường và giảng dạy tiết

học kỹ năng sống của trung tâm GAIA. Học sinh được tìm hiểu về truyền thống của nhà trường; truyền thống về sức khỏe, giới tính, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, tìm hiểu về pháp luật, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và những kỹ năng trong cuộc sống. Qua các chuyên đề rèn kỹ năng sống hình thành cho học sinh kỹ năng đoàn kết, tinh thần tập thể làm việc nhóm; kỹ năng phòng tránh bạo lực, xâm hại [H5-5.5-01].

b) Ngoài ra việc giáo dục về kỹ năng sống được giáo viên lồng ghép trong các môn học trên lớp thông qua nội dung các bài học chính khóa trong chương trình các môn học như: Sinh học, Địa lý, Ngữ văn, Giáo dục công dân, Công nghệ, Thể dục đã giúp học sinh nhà trường có nhiều chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục. Kết quả rèn luyện hạnh kiểm của học sinh nâng cao qua từng năm học [H5-5.3-01]; [H5-5.5-04]; [H5-5.5-05].

c) Học sinh nhà trường có ý thức nói năng, ứng xử văn minh, lịch sự; có ý thức chăm sóc, bảo vệ môi trường và giúp các em thực hiện tốt văn hóa giao thông để phòng chống tai nạn. Việc xây dựng trường học an toàn cũng được nhà trường quan tâm thực hiện và hằng năm luôn được Ủy ban nhân dân Quận 6 ra quyết định công nhận trường học đạt tiêu chuẩn an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong nhiều năm liên tục [H1-1.10-08]; [H5-5.5-02]; [H5-5.5-02].

Mức 2:

a) Thông qua nội dung giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, nhà trường đã hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập, tổ chức tuyên dương khen thưởng hằng tuần hoặc đột xuất dưới cờ những hành vi đẹp, những thói quen tốt của học sinh nhằm xây dựng ý thức ứng xử có văn hóa, biết đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và sinh hoạt [H1-1.10-06]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-03].

b) Trong quá trình giảng dạy, giáo viên thường xuyên chú ý tuyên truyền các chủ đề về sức khỏe, phòng chống tai nạn thương tích, an toàn vệ sinh thực phẩm, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân, gia đình nhằm hình thành cho học sinh lối sống an toàn, lành mạnh. Học sinh nhà trường từng bước đã biết vận dụng vào cuộc sống [H5-5.3-01]; [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03].

Mức 3:

Trong quá trình học tập, học sinh được giáo viên bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Toán học hướng dẫn nghiên cứu khoa học, công nghệ có thể làm được những sản phẩm đơn giản ứng dụng trong đời sống như tên lửa nước, thiết kế pháo hoa đơn giản, thực hành băng bó vết thương, đo cây xanh. Tuy nhiên, trường chưa có học sinh tham gia các cuộc thi có nội dung nghiên cứu khoa học do các cấp tổ chức [H2-2.2-07]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

2. Điểm mạnh

Việc giáo dục kỹ năng sống được tổ chức dưới nhiều hình thức như lồng ghép trong giảng dạy các bộ môn, thông qua các buổi sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dã ngoại, tham quan hướng nghiệp, thông qua giờ dạy ngoại khoá.

Nhà trường đã xây dựng nội quy cơ quan và nội quy học sinh quy định các quy tắc ứng xử trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Chưa có học sinh tham gia các hội thi khoa học kỹ thuật do các cấp tổ chức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 – 2021, hiệu trưởng chỉ đạo các tổ bộ môn nghiên cứu và có kế hoạch lựa chọn, bồi dưỡng giúp học sinh tham gia các hội thi khoa học kỹ thuật do các cấp tổ chức.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Với những nỗ lực cố gắng của thầy và trò, trong những năm học gần đây chất lượng học tập của nhà trường đã có nhiều tiến bộ, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực từ trung bình trở lên hằng năm của nhà trường đều trên 90%, đạt và vượt kế hoạch nhà trường đề ra, tỉ lệ học sinh đạt hạnh kiểm từ khá trở lên luôn đạt trên 90% [H5-5.6-05].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng hằng năm của nhà trường đều đạt từ 97%, tốt nghiệp trung học cơ sở của nhà trường từ năm học 2015 – 2016 đến nay luôn đạt 100%, đáp ứng kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-05].

c) Hằng năm, lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy hướng nghiệp cho học sinh. Nhà trường định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Hằng năm, nhà trường đã tư vấn cho học sinh học nghề tại các trường trung cấp nghề hoặc tiếp tục học lớp 10 ở các Trung tâm Giáo dục thường xuyên và các trường dân lập sau khi trượt nguyện vọng tuyển sinh vào lớp 10 [H5-5.6-03].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh của trường có chuyển biến tích cực trong 05 năm học vừa qua. Năm học 2015 - 2016, tỷ lệ học sinh khá giỏi của nhà trường là 78,9%, tuy nhiên đến năm học 2019 – 2020, này là 80,6%. Ngoài ra, hạnh kiểm của học sinh nhà trường trong 5 năm liên tục từ năm học 2015 – 2016 đến nay luôn đạt từ hạnh kiểm trung bình trở lên là 100%.

Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Học lực giỏi	860	904	844	819	976
Học lực khá	619	639	693	675	632
Hạnh kiểm tốt	1815	1863	1866	1848	1912
Hạnh kiểm khá	59	57	75	73	80
Hạnh kiểm trung bình	00	00	00	04	05

Tuy nhiên, học sinh yếu, kém có chiều hướng tăng trong năm học 2019 - 2020, nhất là sau thời gian học sinh nghỉ vì phòng tránh dịch bệnh Covid-19 [H1-1.2-14]; [H5-5.6-05].

b) Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp hằng năm được duy trì ở mức cao, luôn đạt 100%. Tuy nhiên, học sinh lên lớp thẳng có chiều hướng giảm do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chủ quan là nhà trường đánh giá thẳng thắn, trung thực và thi thật, học thật theo đúng phương châm của ngành giáo dục [H1-1.2-14]; [H5-5.6-01]; [H5-5.6-05].

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

Học sinh xếp loại giỏi của trường tính từ thời điểm năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019-2020 luôn đạt trên 30% [H1-1.2-14]; [H5-5.6-05].

Học sinh xếp loại khá của trường tính từ thời điểm năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019-2020 luôn đạt trên 30% [H1-1.2-14]; [H5-5.6-05].

Học sinh xếp loại yếu, kém của trường tính từ thời điểm năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019-2020 không vượt quá 5% [H1-1.2-14]; [H5-5.6-05].

Học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt của trường tính từ thời điểm năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019-2020 luôn đạt trên 90% [H1-1.2-14]; [H5-5.6-05].

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Học sinh bỏ học của trường từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 không quá 1%, học sinh lưu ban của trường không quá 2% [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Chất lượng giáo dục hằng năm của nhà trường ổn định và được nâng cao đã tạo nên sự tin tưởng của chính quyền địa phương và học sinh.

3. Điểm yếu

Học sinh yếu trong năm học 2019 – 2020 tăng do dịch bệnh Covid-19.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020 - 2021, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch phụ đạo các em học sinh yếu, kém để giảm tỷ lệ học sinh lưu ban, tiếp tục đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy học và phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh nhằm giữ vững và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

- Điểm mạnh nổi bật:

Kết quả giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh được giữ ổn định và chuyên biến tích cực trong các năm học gần đây.

Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, giáo viên chủ nhiệm tập trung giáo dục đạo đức, rèn kỹ năng sống cho học sinh. Hoạt động trải nghiệm thực tế, giáo dục hướng nghiệp đã bước đầu thực hiện có nền nếp.

- Điểm yếu cơ bản:

Vẫn còn một số ít học sinh có ý thức học tập chưa được tự giác và tích cực. Nội dung giáo dục địa phương còn hạn chế về tài liệu được cập nhật.

*** Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:**

Mức 1: 0/6

Mức 2: 2/6

Mức 3: 4/6

*** Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:**

Mức 1: 0/6

Mức 2: 0/6

Mức 3: 0/4

III. KẾT LUẬN CHUNG:

Báo cáo tự đánh giá của trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông được hoàn thành phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đề ra chiến lược phát triển, xác định tầm nhìn, đánh giá công tác quản lý và tổ chức hoạt động của nhà trường. Qua đó đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện các chương trình hoạt động giáo dục và công tác quản lý tài chính, cơ sở vật chất, sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh. Kết quả giáo dục học sinh là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất về chất lượng hai mặt giáo dục của nhà trường.

Đối chiếu với kết quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 05 năm qua với Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Số lượng các tiêu chí đạt, không đạt:

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 28/28, tỉ lệ 100%. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/28, tỉ lệ 00%.

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 27/28, tỉ lệ 96,4%. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 01/28, tỉ lệ 3,6%.

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 19/20, tỉ lệ 95%. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 01/20, tỉ lệ 5%.

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 1.

Căn cứ theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Luông đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Phú Cường

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược 5 năm 2015 – 2020	2015	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Cổng thông tin điện tử	2020	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư
	3	[H1-1.1-03]	Niên yết kế hoạch chiến lược 5 năm.	2015	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư
	4	[H1-1.1-04]	Biên bản kiểm tra giám sát của Ban thanh tra nhân dân	Năm 2015 đến 2020	Ban Thanh tra nhân dân	Ban Thanh tra nhân dân
	5	[H1-1.1-05]	Kế hoạch giáo dục	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định kiện toàn Hội đồng trường	Năm 2015 đến 2020	Phòng giáo dục	Phòng văn thư
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập hội đồng thi đua - khen thưởng	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Văn thư
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ thi đua	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng Tuyển sinh lớp 6	Năm 2015 đến 2020	Phòng giáo dục	Phòng Văn thư

	5	[H1-1.2-05]	Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở	Năm 2015 đến 2020	Phòng giáo dục	Phòng Học vụ
	6	[H1-1.2-06]	Quyết định thành lập Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Văn thư
	7	[H1-1.2-07]	Quy chế hoạt động Hội đồng trường	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	8	[H1-1.2-08]	Biên bản họp Hội đồng trường, Hội đồng sư phạm	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	9	[H1-1.2-09]	Biên bản xét thi đua	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	10	[H1-1.2-10]	Biên bản họp Hội đồng Tuyển sinh lớp 6	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Văn thư	Phòng Văn thư
	11	[H1-1.2-11]	Biên bản họp hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Học vụ	Phòng Học vụ
	12	[H1-1.2-12]	Kết quả chấm sáng kiến kinh nghiệm	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	13	[H1-1.2-13]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	14	[H1-1.2-14]	Thống kê kết quả học lực, hạnh kiểm	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Học vụ	Phòng Học vụ
	15	[H1-1.2-15]	Kết quả thi học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định công nhận Ban chấp hành Công đoàn	Năm 2015 đến 2020	LDLD Quận 6	Phòng Công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Danh sách công đoàn viên trường	Năm 2015 đến 2020	Chủ tịch Công đoàn	Phòng Công đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Chi đoàn	Năm 2015 đến 2020	Đoàn Phường 11	Phòng Đoàn - Đội
	4	[H1-1.3-04]	Danh sách đoàn viên Chi đoàn	Năm 2015 đến 2020	Bí thư Chi đoàn	Phòng Đoàn - Đội
	5	[H1-1.3-05]	Quyết định chuẩn y ban chỉ huy Liên đội	Bí thư Chi đoàn	Quận Đoàn	Phòng Đoàn - Đội
	6	[H1-1.3-06]	Kế hoạch hoạt động của Công đoàn	Năm 2015 đến 2020	Chủ tịch Công đoàn	Phòng Công đoàn
	7	[H1-1.3-07]	Kế hoạch hoạt động của chi đoàn	Năm 2015 đến 2020	Bí thư Chi đoàn	Phòng Đoàn - Đội
	8	[H1-1.3-08]	Kế hoạch hoạt động của Liên đội	Năm 2015 đến 2020	Tổng phụ trách Đội	Phòng Đoàn - Đội
	9	[H1-1.3-09]	Quyết định chuẩn y, công nhận Ban chấp hành chi bộ	Nhiệm kỳ 2017, 2019	Đảng ủy Phường 11	Phòng Phó Hiệu trưởng
	10	[H1-1.3-10]	Kế hoạch, báo cáo công tác tư tưởng chính trị	Năm 2015 đến 2020	Bí thư Chi bộ	Phòng Phó Hiệu trưởng
	11	[H1-1.3-11]	Sổ họp chi bộ	Năm 2015 đến 2020	Phó Bí thư	Phòng Phó Hiệu trưởng
	12	[H1-1.3-12]	Kết quả xếp loại chi bộ	Năm 2015 đến 2020	Đảng ủy Phường 11	Phòng Phó Hiệu trưởng

	13	[H1-1.3-13]	Giấy khen của chi bộ	Năm 2015 đến 2020	Phó Bí thư	Phòng Phó Hiệu trưởng
	14	[H1-1.3-14]	Hồ sơ ban nữ công	Năm 2015 đến 2020	Chủ tịch Công đoàn	Phòng Công đoàn
	15	[H1-1.3-15]	Hình ảnh hoạt động công đoàn	Năm 2015 đến 2020	Chủ tịch Công đoàn	Phòng Công đoàn
	16	[H1-1.3-16]	Giấy khen của công đoàn	Năm 2015 đến 2020	Chủ tịch Công đoàn	Phòng Công đoàn
	17	[H1-1.3-17]	Kế hoạch phối hợp với đoàn phường, quận đoàn	Năm 2015 đến 2020	Bí thư Chi đoàn	Phòng Đoàn - Đội
	18	[H1-1.3-18]	Giấy khen của chi đoàn	Năm 2015 đến 2020	Đoàn Phường 11, Quận đoàn 6	Phòng Đoàn - Đội
	19	[H1-1.3-19]	Hình ảnh hoạt động chi đoàn	Năm 2015 đến 2020	Bí thư Chi đoàn	Phòng Đoàn - Đội
	20	[H1-1.3-20]	Hình ảnh hoạt động Liên đội	Năm 2015 đến 2020	Tổng phụ trách Đội	Phòng Đoàn - Đội
	21	[H1-1.3-21]	Giấy khen các hoạt động của Liên đội	Năm 2015 đến 2020	Quận Đoàn 6	Phòng Đoàn - Đội
	22	[H1-1.3-22]	Quyết định xếp loại chi bộ	Năm 2015 đến 2020	Đảng ủy Phường 11	Phòng Phó Hiệu trưởng
	23	[H1-1.3-23]	Kết quả xếp loại công đoàn hàng năm	Năm 2015 đến 2020	LĐLĐ Quận 6	Phòng Công đoàn
	24	[H1-1.3-24]	Kết quả xếp loại chi đoàn	Năm 2015 đến 2020	Quận Đoàn	Phòng Đoàn - Đội
	25	[H1-1.3-25]	Kết quả đánh giá, xếp loại công tác Đội	Năm 2015 đến 2020	Quận Đoàn	Phòng Đoàn - Đội

	26	[H1-1.3-26]	Báo cáo tổng kết Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên	Năm 2015 đến 2020	Chủ tịch Công đoàn, Bí thư, TPT	Phòng Công đoàn
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm 2015 đến 2020	Chủ tịch UBND Quận 6	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định phân công tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ Văn phòng	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Kế hoạch tổ chuyên môn	Năm 2015 đến 2020	Tổ trưởng các tổ	Kho lưu trữ
	4	[H1-1.4-04]	Sổ sinh hoạt tổ chuyên môn	Năm 2015 đến 2020	Tổ trưởng các tổ	Kho lưu trữ
	5	[H1-1.4-05]	Các chuyên đề	Năm 2015 đến 2020	Tổ trưởng các tổ	Kho lưu trữ
	6	[H1-1.4-06]	Hình ảnh thực hiện các chuyên đề	Năm 2015 đến 2020	Tổ trưởng các tổ	Kho lưu trữ
	7	[H1-1.4-07]	Kế hoạch hoạt động của tổ văn phòng	Năm 2015 đến 2020	Tổ trưởng tổ VP	Kho lưu trữ
	8	[H1-1.4-08]	Kế hoạch hoạt động của thư viện	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thư viện	Thư viện
	9	[H1-1.4-09]	Kế hoạch hoạt động của y tế	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên y tế	Phòng y tế
	10	[H1-1.4-10]	Hồ sơ tài chính	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ
	11	[H1-1.4-11]	Biên bản kiểm tra thư viện	Năm 2015 đến 2020	Phòng giáo dục Quận 6	Phòng Hiệu trưởng
	12	[H1-1.4-12]	Biên bản kiểm tra y tế	Năm 2015 đến 2020	TTYTDP Quận 6	Phòng Hiệu trưởng
	13	[H1-1.4-13]	Biên bản kiểm tra thiết bị	Năm 2015 đến 2020	Phòng giáo dục	Phòng Hiệu trưởng

					Quận 6	
	14	[H1-1.4-14]	Biên bản kiểm tra tài sản, tài chính	Năm 2015 đến 2020	Phòng tài chính Q6	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Sổ đăng bộ	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Học vụ	Phòng Học vụ
	2	[H1-1.5-02]	Sổ gọi tên và ghi điểm	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Học vụ	Phòng Học vụ
	3	[H1-1.5-03]	Sổ chủ nhiệm	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Học vụ	Phòng Học vụ
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ công văn đến	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Văn thư	Phòng Văn thư
	2	[H1-1.6-02]	Sổ công văn đi	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Văn thư	Phòng Văn thư
	3	[H1-1.6-03]	Sổ quyết định	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Văn thư	Phòng Văn thư
	4	[H1-1.6-04]	Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ
	5	[H1-1.6-05]	Sổ quỹ tiền mặt	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ
	6	[H1-1.6-06]	Sổ tiền gửi	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ
	7	[H1-1.6-07]	Báo cáo tài chính	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ
	8	[H1-1.6-08]	Dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ

	9	[H1-1.6-09]	Biên bản công khai, tự kiểm tra tài chính, tài sản hàng năm	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	10	[H1-1.6-10]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	11	[H1-1.6-11]	Biên bản họp tổ công đoàn, biên bản họp ban chấp hành công đoàn về việc sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2015 đến 2020	Chủ tịch Công đoàn	Phòng Công đoàn
	12	[H1-1.6-12]	Biên bản kiểm tra tài chính của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Tài chính	Năm 2015 đến 2020	Phòng giáo dục Phòng tài chính	Phòng Hiệu trưởng
	13	[H1-1.6-13]	Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ công chức của Sở Nội vụ	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Văn thư	Phòng Văn thư
	14	[H1-1.6-14]	Phần mềm Imas	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ
	15	[H1-1.6-15]	Dịch vụ công trực tuyến	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ
	16	[H1-1.6-16]	Phần mềm Bảo hiểm xã hội trực tuyến; phần mềm thuế trực tuyến	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ
	17	[H1-1.6-17]	Phần mềm kê khai thuế	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ
	18	[H1-1.6-18]	Hợp đồng sử dụng phần	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Văn	Phòng Văn thư

			mềm quản lý với công ty Quảng Ích		thư	
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Danh sách đề cử cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	3	[H1-1.7-03]	Bảng phân công nhiệm vụ giáo viên hằng năm	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.7-04]	Bảng phân công nhiệm vụ nhân viên hằng năm	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H1-1.7-05]	Bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	6	[H1-1.7-06]	Hồ sơ công đoàn	Năm 2015 đến 2020	Chủ tịch Công đoàn	Phòng Công đoàn
	7	[H1-1.7-07]	Hồ sơ hội nghị cán bộ, công chức, viên chức	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	8	[H1-1.7-08]	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	9	[H1-1.7-09]	Phiếu chi hỗ trợ cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp tập huấn	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ

Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Văn thư	Phòng Văn thư
	2	[H1-1.8-02]	Quyết định khen thưởng tập thể lao động tiên tiến, xuất sắc	Năm 2015 đến 2020	UBND TP UBND Q6	Phòng Văn thư
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Quy chế dân chủ của nhà trường	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.9-02]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường	Năm 2015 đến 2020	Chủ tịch Công đoàn	Phòng Công đoàn
	3	[H1-1.9-03]	Sổ tiếp công dân	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trong trường học	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Sổ 3 bước bán trú	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.10-03]	Phương án xử lý khi xảy ra ngộ độc thực phẩm	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H1-1.10-04]	Phương án khi xảy ra thiên tai - hoả hoạn – tai nạn thương tích	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H1-1.10-05]	Hồ sơ phòng cháy chữa cháy	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	6	[H1-1.10-06]	Hình ảnh, bảng biểu về an toàn trường học, giới tính	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	7	[H1-1.10-	Các kế hoạch phòng chống	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên y tế	Phòng y tế

		07]	dịch bệnh			
	8	[H1-1.10-08]	Giấy chứng nhận trường học an toàn	Năm 2015 đến 2020	UBND Q6	Phòng Hiệu trưởng
	9	[H1-1.10-09]	Cam kết thực hiện an toàn thực phẩm	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	10	[H1-1.10-10]	Hộp thư góp ý	Năm 2015 đến 2020	Tổng phụ trách Đội	Phòng Đoàn - Đội
	11	[H1-1.10-11]	Hợp đồng phối hợp đảm bảo an ninh trật tự trước cổng trường giờ tan học	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	12	[H1-1.10-12]	Hồ sơ tư vấn tâm lý học đường	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ cá nhân Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H2-2.1-02]	Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Đề án vị trí việc làm	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H2-2.2-02]	Bảng phân công chuyên môn	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	3	[H2-2.2-03]	Bảng thống kê trình độ đội ngũ	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Văn thư	Phòng Văn thư
	4	[H2-2.2-04]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại chuẩn nghề	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Văn thư	Phòng Văn thư

			nghiệp hằng năm			
	5	[H2-2.2-05]	Hình ảnh các tiết trải nghiệm	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	6	[H2-2.2-06]	Hình ảnh các tiết thực hành thí nghiệm	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	7	[H2-2.2-07]	Hình ảnh giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	8	[H2-2.2-08]	Hồ sơ hướng nghiệp	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	9	[H2-2.2-09]	Biên bản họp Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp và trường	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	10	[H2-2.2-10]	Kết quả phân luồng học sinh lớp 9 sau tốt nghiệp THCS	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Quyết định công nhận thư viện đạt chuẩn	Năm 2015 đến 2020	Sở giáo dục	Phòng Văn thư
	2	[H2-2.3-02]	Văn bản triệu tập nhân viên tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Văn thư	Phòng Văn thư
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Hình ảnh các bảng, biểu nội quy	Năm 2015 đến 2020	Tổng phụ trách Đội	Phòng Đoàn - Đội
	2	[H2-2.4-02]	Hồ sơ theo dõi sức khỏe học	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên y tế	Phòng y tế

			sinh			
	3	[H2-2.4-03]	Hồ sơ miễn, giảm học phí hàng năm theo quy định	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ
	4	[H2-2.4-04]	Quyết định khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Văn thư
	5	[H2-2.4-05]	Danh sách học sinh đạt giải thể dục thể thao các cấp	Năm 2015 đến 2020	Tổ Thể dục thể thao	Tổ Thể dục thể thao
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Quyết định công nhận quyền sử dụng đất của nhà trường	Năm 2015 đến 2020	UBND Quận 6	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Sơ đồ tổng thể và từng khu của nhà trường	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H3-3.1-03]	Danh mục các thiết bị luyện tập thể dục, thể thao của trường	Năm 2015 đến 2020	Tổ Thể dục thể thao	Tổ Thể dục thể thao
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hồ sơ phòng thực hành, thí nghiệm	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thiết bị	Phòng Thiết bị
	2	[H3-3.2-02]	Sổ theo dõi mượn thiết bị	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thiết bị	Phòng Thiết bị
	3	[H3-3.2-03]	Sổ quản lý tài sản, công cụ, dụng cụ	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-03]	Biên bản kiểm tra tài sản	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H3-3.3-03]	Hồ sơ mua sắm, sửa chữa	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế	Phòng tài vụ

			các thiết bị khối hành chính - quản trị		toán	
	3	[H3-3.3-03]	Các biên bản kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm của căn tin và bếp ăn bán trú	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Phiếu kiểm nghiệm vi sinh nguồn nước sử dụng	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên y tế	Phòng y tế
	2	[H3-3.4-02]	Hợp đồng tiêu thụ cung cấp nước uống đóng chai	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H3-3.4-03]	Hóa đơn thanh toán vận chuyển rác	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H3-3.4-04]	Hóa đơn thu tiền nước hàng tháng	Năm 2015 đến 2020	Công ty cấp nước Chợ Lớn	Phòng tài vụ
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Sổ quản lý tài sản, thiết bị các phòng THPT Lý, Hóa, Sinh và phòng Công nghệ	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	[H3-3.5-02]	Hệ thống thống camera	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H3-3.5-03]	Sổ sách chứng từ, hóa đơn chi cho sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học của trường	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ
	4	[H3-3.5-04]	Hợp đồng kết nối mạng	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H3-3.5-05]	Hóa đơn thanh toán tiền Internet	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ

	6	[H3-3.5-06]	Danh mục đồ dùng dạy học do học sinh, giáo viên làm	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	7	[H3-3.5-07]	Kế hoạch dạy thí nghiệm thực hành	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Sổ đăng ký sách giáo khoa	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thư viện	Thư viện
	2	[H3-3.6-02]	Sổ đăng ký sách nghiệp vụ	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thư viện	Thư viện
	3	[H3-3.6-03]	Sổ đăng ký sách tham khảo	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thư viện	Thư viện
	4	[H3-3.6-04]	Sổ đăng ký sách thiếu nhi	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thư viện	Thư viện
	5	[H3-3.6-05]	Kế hoạch hoạt động thư viện	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thư viện	Thư viện
	6	[H3-3.6-06]	Sổ mượn sách của học sinh	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thư viện	Thư viện
	7	[H3-3.6-07]	Sổ mượn sách của giáo viên	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thư viện	Thư viện
	8	[H3-3.6-08]	Bảng giới thiệu sách mới	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thư viện	Thư viện
	9	[H3-3.6-09]	Các máy vi tính ở thư viện	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thư viện	Thư viện
	10	[H3-3.6-10]	Hình ảnh các quyết định khen tặng thư viện	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thư viện	Thư viện

	11	[H3-3.6-11]	Biên bản kiểm kê thư viện	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thư viện	Thư viện
	12	[H3-3.6-12]	Hoá đơn, chứng từ mua sách, tài liệu tham khảo, ...	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thư viện	Thư viện
	13	[H3-3.6-13]	Danh mục các loại sách liệu được mua sắm, bổ sung hàng năm	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thư viện	Thư viện
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Nghị quyết Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh	Năm 2015 đến 2020	Ban đại diện CMHS	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm 2015 đến 2020	Ban đại diện CMHS	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H4-4.1-03]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm 2015 đến 2020	Ban đại diện CMHS	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H4-4.1-04]	Báo cáo quỹ tài chính của quỹ cha mẹ học sinh	Năm 2015 đến 2020	Ban đại diện CMHS	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H4-4.1-05]	Chứng từ hỗ trợ kinh phí của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm 2015 đến 2020	Ban đại diện CMHS	Phòng Hiệu trưởng
	6	[H4-4.1-06]	Biên bản họp Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm 2015 đến 2020	Ban đại diện CMHS	Phòng Hiệu trưởng
	7	[H4-4.1-07]	Hình ảnh các công trình của Cha Mẹ học sinh.	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Văn bản xin cấp kinh phí mua sắm, sửa chữa	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

	2	[H4-4.2-02]	Quy chế phối hợp an ninh trật tự, quy chế phối hợp chính quyền và công đoàn	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H4-4.2-03]	Các văn bản tham mưu	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Văn thư	Phòng Văn thư
	4	[H4-4.2-04]	Một số hình ảnh các hoạt động của nhà trường và địa phương	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch bộ môn	Năm 2015 đến 2020	Giáo viên bộ môn	Kho lưu trữ
	2	[H5-5.1-02]	Sổ tài sản nhà trường	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ
	3	[H5-5.1-03]	Kế hoạch dạy học trải nghiệm sáng tạo, STEM	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	4	[H5-5.1-04]	Hình ảnh các tiết trải nghiệm sáng tạo	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	5	[H5-5.1-05]	Ma trận, đề đề kiểm tra định kỳ	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Học vụ	Phòng Học vụ
	6	[H5-5.1-06]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	7	[H5-5.1-07]	Sổ ghi đầu bài	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Học vụ	Phòng Học vụ
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Danh sách học sinh được miễn, giảm học phí	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Kế toán	Phòng tài vụ

	2	[H5-5.2-02]	Danh sách học sinh nhận học bổng	Năm 2015 đến 2020	Tổng phụ trách Đội	Phòng Đoàn - Đội
	3	[H5-5.2-03]	Danh sách học sinh nhận quà tết, Nụ cười hồng, cùng bạn đến trường, ...	Năm 2015 đến 2020	Tổng phụ trách Đội	Phòng Đoàn - Đội
	4	[H5-5.2-04]	Danh sách học sinh giỏi, năng khiếu	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	5	[H5-5.2-05]	Kế hoạch giáo dục học sinh hòa nhập, khuyết tật	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	6	[H5-5.2-06]	Danh sách học sinh hoà nhập, khuyết tật	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	7	[H5-5.2-07]	Quyết định khen thưởng học sinh	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	8	[H5-5.2-08]	Hình ảnh khen thưởng, giấy khen của trường	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch, giáo án	Năm 2015 đến 2020	Giáo viên bộ môn	Kho lưu trữ
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch tham quan, ngoại khoá	Năm 2015 đến 2020	Tổng phụ trách Đội	Phòng Đoàn - Đội
	3	[H5-5.3-03]	Hình ảnh tham quan ngoại khoá	Năm 2015 đến 2020	Tổng phụ trách Đội	Phòng Đoàn - Đội
	4	[H5-5.3-04]	Tài liệu giáo dục địa phương	Năm 2015 đến 2020	Giáo viên bộ môn	Giáo viên bộ môn
	5	[H5-5.3-05]	Chứng từ mua sách tham khảo	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên thư viện	Thư viện

Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch tổ chức hướng nghiệp	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.4-02]	Hồ sơ học nghề	Năm 2015 đến 2020	Tổ trưởng tổ Công nghệ	Kho lưu trữ
	3	[H5-5.4-03]	Hồ sơ tổ chức hoạt động tham quan ngoại khóa	Năm 2015 đến 2020	Tổng phụ trách Đội	Phòng Đoàn - Đội
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống	Năm 2015 đến 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H5-5.5-02]	Giáo án hoạt động ngoài giờ lên lớp	Năm 2015 đến 2020	Giáo viên chủ nhiệm	Kho lưu trữ
	3	[H5-5.5-03]	Hình ảnh giáo dục kỹ năng sống	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Thiết bị	Nhân viên Thiết bị
	4	[H5-5.5-04]	Kế hoạch hoạt động các câu lạc bộ	Năm 2015 đến 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Hồ sơ xét tốt nghiệp trung học cơ sở	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Học vụ	Phòng Học vụ
	2	[H5-5.6-02]	Hồ sơ kiểm tra lại	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Học vụ	Phòng Học vụ
	3	[H5-5.6-03]	Hồ sơ học sinh khối 9 học nghề	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Học vụ	Phòng Học vụ
	4	[H5-5.6-04]	Sổ chuyển đến chuyển đi	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Học vụ	Phòng Học vụ
	5	[H5-5.6-05]	Kết quả thống kê cuối năm	Năm 2015 đến 2020	Nhân viên Học vụ	Phòng Học vụ